

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH –
CẤP NƯỚC HƯƠNG KHÊ

HÀ TĨNH, NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH – CẤP NƯỚC
HƯƠNG KHÊ**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
CHỦ TỊCH HĐQT**



Võ Ngọc Vinh

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Kiên

HÀ TĨNH, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	6
Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	7
1.2. TÊN CƠ SỞ	7
1.2.1. Tên cơ sở	7
1.2.2. Địa điểm cơ sở.....	7
1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	8
1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:	8
1.2.5. Quy mô cơ sở	8
1.2.6. Yêu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 10/1/2022:.....	8
1.2.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:	9
1.2.8. Phân nhóm dự án đầu tư:.....	9
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất cơ sở.....	9
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	11
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ .	11
1.4.2. Hệ thống cấp điện.....	12
.....	12
1.4.3. Hệ thống cấp nước	12
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC.....	13
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	13
1.5.2. Các công trình phụ trợ.....	15
Chương II	17
SỰ PHÙ HỢP CỦA SƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	17
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
Chương III	22
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	22

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	22
.....	22
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	22
3.1.3. Xử lý nước thải.....	24
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	27
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	27
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	27
3.3.2. Chất thải rắn sản xuất:.....	28
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	29
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	30
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	31
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	34
Chương IV	35
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	35
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	35
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	35
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:.....	35
4.1.3. Dòng nước thải:.....	35
4.1.4. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	35
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:	36
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	36
4.2.1. Nguồn phát sinh	36
4.2.2. Vị trí phát sinh.....	36
4.2.3. Giá trị giới hạn	36
Chương V	38
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	38
5.1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI....	38
5.3. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	39
Chương VI.....	40
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	40
5.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	40
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	40
5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải.	40

5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	41
Chương VIII	43
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	43

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Bảng nhu cầu nguyên, vật liệu, hoá chất phục vụ sản xuất.....	12
Bảng 2. Các hạng mục công trình của Chi nhánh.....	14
Bảng 3. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận (Ltd)..	20
Bảng 4. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (Lnn)	20
Bảng 5. Tải lượng chất ô nhiễm có trong nước thải của Chi nhánh:	21
Bảng 6. Khả năng tiếp nhận nước thải của sông Ngàn Sâu tại khu vực nhận thải	21
Bảng 7. Bảng thống kê khối lượng hệ thống thoát nước thải:	24
Bảng 8. Danh mục các trang thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải:.....	26
Bảng 9. Phân loại chất thải nguy hại.....	30
Bảng 10. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn ...	35
Bảng 11. Giới hạn tiếng ồn, độ rung của cơ sở:.....	37
Bảng 12. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 và 2024	39
Bảng 13. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	40

DANH MỤC HÌNH

.....	7
Hình 1. Vị trí cơ sở.....	7
Hình 2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước cấp của cơ sở.....	10
Hình 3. Mương thu gom tiêu thoát nước mưa.	22
Hình 4. Sơ đồ hệ thống thu gom tiêu thoát nước mưa.	22
Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải.....	23
Hình 6. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn (Bastaf).....	25
Hình 7. Sơ đồ cấu tạo của hố lắng.....	26
Hình 8. Quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt.....	28

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATLĐ:	An toàn lao động
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CHCN:	Cứu hộ cứu nạn
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
ĐHQG.TPHCM:	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
GPMT:	Giấy phép môi trường
KHKT:	Khoa học kỹ thuật
KK:	Không khí
KT:	Kỹ thuật
NL:	Nhiên liệu
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TB:	Trung bình
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TMDV:	Thương mại dịch vụ
TP:	Thành phố
TXLNT:	Trạm xử lý nước thải
UBND:	Ủy ban nhân dân
VHTN:	Vận hành thử nghiệm
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới

MỞ ĐẦU

Nhà máy cấp nước Hương Khê được xây dựng từ tháng 10 năm 1997 và hoàn thành, đưa vào hoạt động từ tháng 6 năm 2002 do Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Hà Tĩnh - Xí nghiệp cấp nước Hương Khê (nay là Chi nhánh Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê) trực tiếp quản lý vận hành. Hiện tại, Cơ sở đang vận hành cung cấp nước cho các hoạt động sinh hoạt, phát triển kinh tế, dịch vụ trên địa bàn xã Hương Khê và vùng lân cận với công suất tối đa 2.000m³/ngày.đêm. Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân khu vực xã Hương Khê và vùng lân cận ngày càng tăng, ngày 19/8/2024, Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh đã ra quyết định số 205/QĐ-HĐQT.TTĐ quyết định về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ngày.đêm, trạm bơm cấp II – Chi nhánh cấp nước Hương Khê.

Song song với các hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh cũng rất chú trọng trong công tác bảo vệ môi trường, Chi nhánh có khuôn viên cây xanh phủ bóng mát, hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải sản xuất vận hành ổn định. Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện các thủ tục bảo vệ môi trường theo quy định.

Theo Luật bảo vệ môi trường số 17/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường thì Cơ sở Chi nhánh Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh Hà Tĩnh thẩm định và cấp phép. Do vậy, Chủ cơ sở đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường lập báo cáo cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở: Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh.
- Địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, Khối phố 3, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.
- Đại diện: Ông Võ Ngọc Vinh; Chức vụ: CTHĐQT.
- Điện thoại: 02393.685.886.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: 3000101973 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 3, ngày 30/06/2016.

1.2. TÊN CƠ SỞ

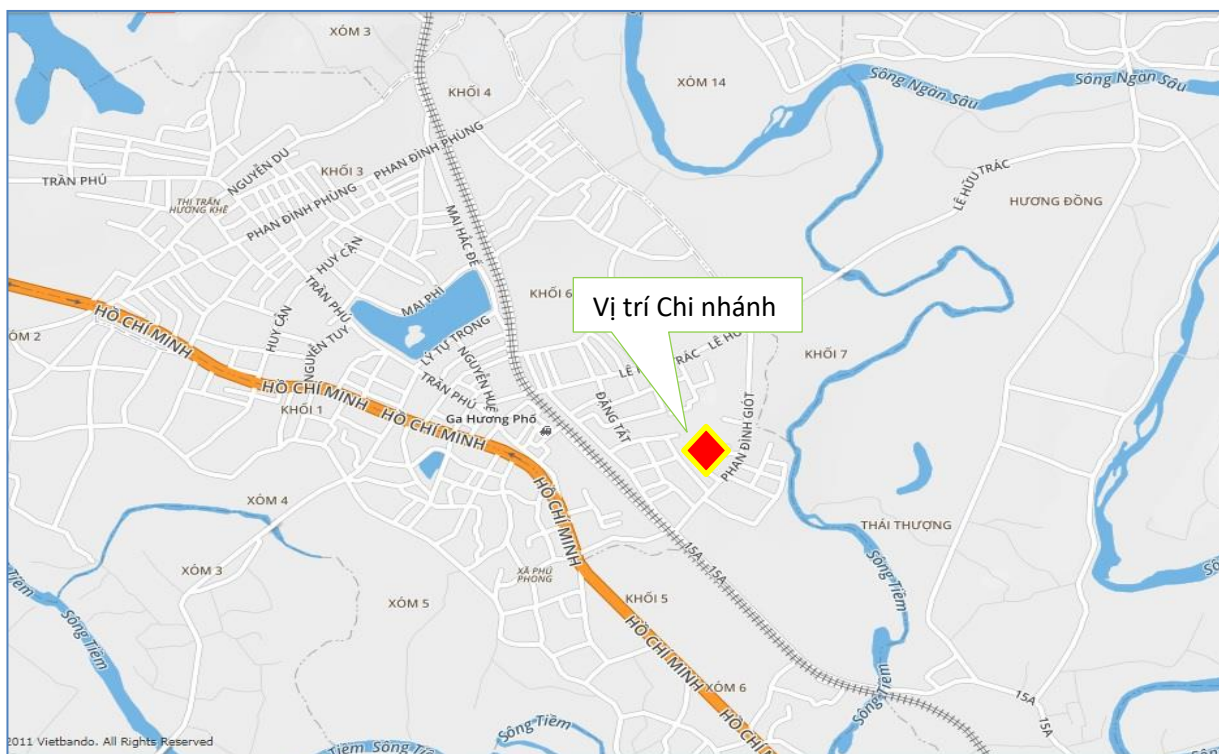
1.2.1. Tên cơ sở

Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê.

1.2.2. Địa điểm cơ sở

Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê (gọi chung là Chi nhánh cấp nước Hương Khê) được xây dựng trên khu vực Tổ dân phố 7, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Chi nhánh cấp nước có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông: Giáp đất ở của dân;
- + Phía Tây: Giáp đất ở của dân;
- + Phía Bắc: Giáp đường bê tông vào Nhà máy;
- + Phía Nam: Giáp đất ở của dân.



Hình 1. Vị trí Chi nhánh cấp nước Hương Khê

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Các quyết định có liên quan đến quy hoạch, xây dựng:
 - + Quyết định số 1094/2002/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê ngày 18/9/2002 về việc thành lập Nhà máy nước huyện.
 - + Quyết định số 2153 QĐ/UB-XD của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 27/10/2005 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình: Nhà máy nước xã Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh.
 - Quyết định số 205/QĐ-HĐQT.TTĐ ngày 18/8/2024 về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II – Chi nhánh cấp nước Hương Khê.

1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:

- + Giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường số 1986/XN-UBND ngày 26/12/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê cấp.
- + Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án “Lắp đặt tuyến ống nước thô lên khu xử lý và lắp đặt bơm trục ngang 125m³/h, H=41m” của Chi nhánh cấp nước Hương Khê tại xã Hương Khê, huyện Hương Khê.
- + Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1384/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ngày 04/5/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh.
- + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3292/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ngày 30/9/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh.

1.2.5. Quy mô cơ sở

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): theo tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15, Cơ sở được xếp theo tiêu chí phân loại dự án nhóm C (Tổng mức đầu tư 4.424.138.000 VNĐ).
- + Quy mô diện tích sử dụng đất: Cơ sở có diện tích 3.326,8m² (tờ bản đồ số 101, tờ bản đồ địa chính số 14, tỷ lệ 1/1000 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM856639). Phân loại quy mô sử dụng đất dưới 50ha (Quy mô nhỏ).

1.2.6. Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 10/1/2022:

Nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở là sông Ngàn Sâu. Hiện nay, nguồn nước sông Ngàn Sâu đang được sử dụng đa mục đích, trong đó có mục đích cấp nước sinh hoạt (Theo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050). Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại điểm khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP thì Cơ sở có

yếu tố xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Như vậy, Cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

1.2.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ, đồng thời xây lắp các công trình cấp thoát nước.

1.2.8. Phân nhóm dự án đầu tư:

Cơ sở thuộc nhóm III theo số thứ tự 3, mục III, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ của người dân trên địa bàn xã Hương Khê và vùng lân cận 2.000 m³/ngày.đêm.

- Công suất hoạt động hiện hữu: 2.000 m³/ngày.đêm

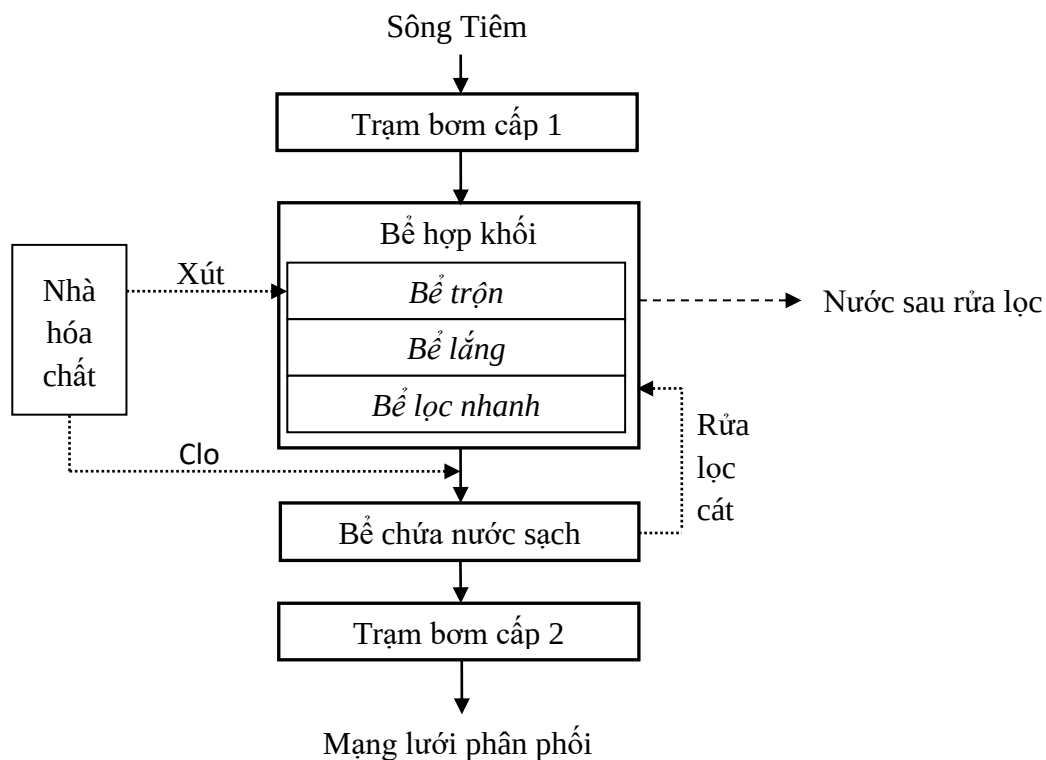
- Phân dự kiến nâng công suất trong thời gian tới: 3.000 m³/ngày.đêm
(Quyết định số 205/QĐ-HĐQT.TTĐ ngày 18/8/2024 về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II – Chi nhánh cấp nước Hương Khê).

1.3.2. Công nghệ sản xuất cơ sở

Phương thức khai thác nước của chi nhánh:

+ Quy trình khai thác của Nhà máy gồm các công đoạn: Nước từ Trạm bơm cấp I (nước thô) → bơm về hệ thống bể hợp khối (bể trộn, bể lắng, bể lọc) → qua bể chứa nước sạch (được khử trùng bằng Clo) → trạm bơm cấp II (nước sạch) → mạng lưới phân phối.

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước cấp của cơ sở như sau:



Hình 2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước cấp của cơ sở

*** Quy trình vận hành:**

Nước mặt sông Tiêm được khai thác trực tiếp bằng hệ thống máy bơm và ống dẫn. Nước được bơm từ Trạm bơm cấp I có 2 máy bơm công suất mỗi bơm là $130\text{m}^3/\text{h}$ /bơm, từ đây nước được dẫn theo đường ống gang D150 có chiều dài 300m đi chìm dọc theo đường đất hiện trạng (phía Đông Nam Nhà máy) và dẫn về hệ thống xử lý (bể hợp khối) gồm có các quá trình trộn, lắng, lọc nhanh, khử trùng bằng Clo và bể chứa nước sạch sau xử lý. Nước sau khi xử lý tại bể chứa nước sạch sẽ được cung cấp cho mạng lưới cấp nước sạch của xã Hương Khê thông qua Trạm bơm 2. Nước rửa lọc được bơm từ bể chứa nước sạch để rửa lọc sẽ được dẫn về hố lắng để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Đầu tiên nước thô được đưa vào bể trộn cơ khí có bổ sung hóa chất keo tụ, tạo bông (phèn nhôm sunfat, PAC, ...). Tiếp tục nước được đưa sang ngăn tạo bông, mục đích của quá trình phản ứng tạo bông là tạo điều kiện thuận lợi nhất để các hạt keo phân tán trong nước sau quá trình pha trộn có thể kết dính với nhau, để tạo thành các hạt cặn có kích thước, trọng lượng đủ lớn, có thể lắng xuống đáy bể lắng hoặc giữ lại được ở bể lọc, đồng thời trong quá trình này, các vi sinh vật sẽ dính vào các hạt keo làm giảm đáng kể lượng vi sinh vật trong nước.

Tiếp theo nước được đưa vào hệ thống bể lắng hợp khối. Bể lắng được thiết kế nhằm mục đích loại trừ các hạt cặn lơ lửng có khả năng lắng xuống đáy bể bằng trọng lực. Nước sau khi qua bể lắng sẽ tiếp tục được dẫn qua bể lọc (gồm

4 bể lọc hoạt động độc lập). Tại bể lọc có lớp vật liệu (cát Thạch anh) để tách các hạt cặn lơ lửng, các thể keo tụ và ngay cả vi sinh vật trong nước còn sót lại. Trong quá trình lọc các chất bẩn trong nước được tách ra khỏi nước, tích tụ dần trong bề mặt vật liệu lọc và các lỗ mao quản dần dần gây ra cản trở quá trình lọc làm giảm khả năng lọc, khi đó cần tiến hành rửa lớp vật liệu lọc là cát Thạch anh (đây là quá trình phát sinh nước thải sản xuất).

Nguồn nước sau khi qua bể lọc sẽ được dẫn qua hệ thống đường ống có bổ sung Clo khử trùng nguồn nước trước khi cho vào bể chứa nước sạch. Nước sạch được dẫn vào mạng lưới cấp nước thông qua Trạm bơm cấp 2 cung cấp cho người tiêu dùng thông qua hệ thống đường ống dẫn nước tới xã Hương Khê và các vùng lân cận.

- Về hoạt động rửa lọc: Theo quy trình vận hành của Chi nhánh thì cụm bể lọc gồm 04 bể độc lập được rửa theo chu kỳ trung bình khoảng 3 ngày 1 lần, quá trình mỗi lần rửa cụm bể lọc (04 bể) được chia làm 2 ngày, mỗi ngày chỉ rửa 02 bể lọc. Nước rửa bể lọc được lấy từ bể chứa nước sạch thông qua hệ thống bơm rửa lọc và đường ống có van khóa tại bể hợp khối, hoạt động rửa lọc được thực hiện hoàn toàn tự động. Nước rửa lọc của hệ thống không chứa hóa chất độc hại, không sinh ra chất hữu cơ gây ô nhiễm nguồn nước, chỉ phát sinh cặn bẩn từ quá trình rửa lọc sẽ được xử lý bằng biện pháp lắng cơ học thông qua hố lắng trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Phần nước bẩn sau khi rửa lọc được dẫn về bể lắng. Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực sau đó chảy về sông Ngàn Sâu; phần bùn cặn sau thời gian lắng sẽ được nạo vét và tập trung tại sân phơi bùn để xử lý, sau đó tận dụng để trồng cây trong khuôn viên Chi nhánh.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là nguồn nước sạch cung cấp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn xã Hương Khê (khu vực thị trấn Hương Khê trước đây) và vùng lân cận.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng:

Nguyên liệu chủ yếu của Cơ sở là nước sạch, các loại vật liệu lọc và các loại hoá chất công nghiệp trong xử lý nước. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, hoá chất phục vụ cho hoạt động của Cơ sở như sau:

Bảng 1. Bảng nhu cầu nguyên, vật liệu, hoá chất phục vụ sản xuất

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung
I	Nguyên liệu chính			
1	Nước mặt sông Tiêm	m ³ /ngày.đêm	2.000 (dự kiến nâng công suất lên 3.000)	Khai thác từ công trình khai thác
2	Cát vàng	m ³ /năm	15	Việt Nam
3	Đá các loại	m ³ /năm	12	Việt Nam
II	Hoá chất			
1	P.A.C (Poly Aluminium Chloride)	kg/tháng	500-650	Việt Nam
2	Hoá chất khử trùng Clorine (Clo)	kg/tháng	120-200	Việt Nam
3	Vôi	kg/tháng	75-250	Việt Nam

(Nguồn: Theo thống kê tại cơ sở)

1.4.2. Hệ thống cấp điện

Sử dụng nguồn điện lưới Quốc gia qua mạng lưới điện của xã Hương Khê.

Chi nhánh đã xây dựng và lắp đặt 01 trạm biến áp có công suất 100kVA-35/0,4KV nội bộ để đảm bảo phù hợp với tính chất sử dụng của Cơ sở, hệ thống cung cấp điện được thiết kế hiện đại, có độ an toàn cao và tuân thủ nghiêm ngặt các Tiêu chuẩn quy định.

Tải lượng ước tính trung bình 22.250Kw/tháng vào mùa Đông và 35.190Kw/tháng vào mùa Hè.

1.4.3. Hệ thống cấp nước

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở bao gồm: Nguồn nước cung cấp cho quá trình xử lý nước, nước sử dụng cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, dự phòng cho hoạt động chữa cháy tại Chi nhánh, cụ thể như sau:

- *Nhu cầu nước quá trình xử lý nước*: Lượng nước tổn thất trong quá trình xử lý nước là không đáng kể, nên nhu cầu nước cấp đầu vào lớn nhất tính bằng công suất dự kiến nâng của Khu xử lý: $Q_{CSX} = 3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- *Nhu cầu cấp nước cho hoạt động rửa bể lắng, lọc*: Đây là Cơ sở sản xuất nước sạch cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân, nên trong quy trình sản xuất của Nhà máy thì nguyên liệu đầu vào sản phẩm đầu ra đều là nước. Vì vậy, nước thải sản xuất của cơ sở chỉ phát sinh từ quá trình sục rửa bể lắng, lọc. Nước rửa lọc của Cơ sở không chứa hóa chất độc hại, chỉ phát sinh cặn bả từ quá trình rửa lọc.

Thực tế theo quy trình vận hành của Chi nhánh cấp nước Hương Khê, lượng nước thải sản xuất tối đa chiếm 3% công suất khai thác. ta có:

$$Q_{sx\max} = 3.000 \times 3\% = 90\text{m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

- *Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt*: Nhu cầu nước sử dụng cho sinh hoạt được xác định dựa trên số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại Chi nhánh. Số lượng cán bộ, nhân viên thường xuyên là 04 người, theo quy định tại Tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 thì nhu cầu sử dụng nước của mỗi người là 100 lít/ngày. Như vậy, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của cơ sở là:

$$Q_{csh} = 04 \times 100 = 400 \text{ lít/ngày đêm} = 0,4\text{m}^3/\text{ngày đêm.}$$

- *Nhu cầu cấp nước cứu hỏa*: Theo TCVN 2622 - 1995 – *Tiêu chuẩn về phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế*). Lượng nước dự trữ yêu cầu phải đảm bảo chữa cháy trong vòng 3 giờ bổ sung nước liên tục như sau:

$$Q_{cc} = q_{cc} \times t = 10 \times 3 \times 3.600 = 108\text{m}^3$$

Trong đó:

+ q_{cc} : Tiêu chuẩn cấp nước cứu hỏa, $q_{cc} = 10$ (l/s).

+ t : thời gian chữa cháy $t = 3$ (giờ).

Nguồn nước cung cấp cho hoạt động sản xuất của Chi nhánh là nước sông Tiêm. Nguồn nước phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt, rửa bể lọc và cứu hỏa được lấy trực tiếp từ bể chứa nước sạch sau xử lý đặt tại Chi nhánh.

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Trước năm 2015, Chi nhánh chỉ hoạt động với quy mô $1.200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ phục vụ nhu cầu của người dân. Từ năm 2015 đến năm 2020, do nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng lên, Chi nhánh đã nâng công suất hoạt động lên $1.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt mới Trạm bơm cấp I và hệ thống đường ống dẫn D150mm đảm bảo nâng công suất khai thác lên $2.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ dẫn về Trạm xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch phục vụ cho các hoạt động phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân.

Do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân khu vực xã Hương Khê và vùng lân cận ngày càng tăng, ngày 19/8/2024, Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh tiếp tục có phương án nâng công suất khai thác lên $3000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại Quyết định số 205/QĐ-HĐQT.TTĐ quyết định về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên $3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, trạm bơm cấp II – Chi nhánh cấp nước Hương Khê.

Quy mô các hạng mục công trình hiện trạng và làm mới của Chi nhánh cấp nước Hương Khê bao gồm:

Bảng 2. Các hạng mục công trình của Chi nhánh

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
A	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ			
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Bể hợp khối	1 hệ thống	150	Đang hoạt động
2	Bể chứa nước sạch	1 bể	130	Đang hoạt động
3	Nhà trạm bơm II	1 trạm	50	Đang hoạt động
4	Nhà hóa chất	1 nhà	10	Đang hoạt động
5	Nhà kho + nhà ở công nhân	1 nhà	20	Đang hoạt động
6	Nhà quản lý hành chính	1 nhà	20	Đang hoạt động
II	Các hạng mục công trình phụ trợ			
6	Cổng chính			Đang hoạt động
7	Cổng phụ			Đang hoạt động
8	Trạm biến áp	1 trạm	10	Đang hoạt động
9	Sân nền, đường bê tông nội bộ	1 hệ thống	578	Đang hoạt động
III	Các hạng mục bảo vệ môi trường			
10	Sân phơi bùn	1 sân	20	Đang hoạt động
11	Bể chứa nước rửa lọc	1 bể	76	Đang hoạt động
12	Cây xanh, đất trồng cỏ	1 hệ thống	2.252,8	Đang hoạt động
B	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH LÀM MỚI CỦA DỰ ÁN			
1	Trạm bơm cấp 2	1 trạm		Lắp mới
2	Đường ống kỹ thuật	1 hệ thống		Lắp mới
3	Hệ thống pa lăng xích	1 hệ thống		Lắp mới
	TỔNG		3.326,8	

Ghi chú: Hạng mục công trình làm mới được lắp đặt trên khu vực các hạng mục công trình đã có, gồm: Trạm bơm cấp II lắp đặt thay thế bơm dẫn nước cấp, đường ống kỹ thuật lắp đặt trên nền công trình dẫn nước cũ đã có.

• **Hiện trạng các hạng mục công trình đã có:**

- Nhà quản lý hành chính: Diện tích 20m².

+ Hình thức kết cấu: Loại nhà cấp 4, kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực, tường đặc tynen vữa xi măng mác $\geq 75\#$ dày 220mm, móng cột mác 200#, móng tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50#, mái lợp ngói chống nóng, nền lát gạch liên doanh 300x300mm. + Kích thước nhà: Rộng 4,0m, dài 5m, chiều cao nhà 3,0m, chiều cao mái 1,5m.

- Nhà hóa chất: Diện tích 10m².

Kết cấu: Loại nhà cấp 4, kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch đặc tynen vữa xi măng mác $\geq 75\#$ dày 220mm, móng cột mác 200#, móng tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50#, mái lợp ngói chống nóng, nền lát gạch liên doanh 300x300mm.

- Nhà kho - nhà ở công nhân: Diện tích 20m².

Hình thức kết cấu: Loại nhà cấp 4, kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch đặc tynen vữa xi măng mác $\geq 75\#$ dày 220mm, móng cột mác 200%, móng tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50#, mái lợp ngói chống nóng, nền lát gạch liên doanh 300x300mm.

- Bể hợp khối:

+ Bể trộn: 1 bể trộn hợp khối với bể lắng có kích thước BxLxH = 1x2x1,5m.

+ Bể lắng: 4 bể lắng độc lập diện tích 10m²/bể, cao 3m. + Bể lọc: 4 bể độc lập, diện tích 6m²/bể, chiều cao 3m.

Hình thức kết cấu: Các bể được liên kết hợp khối với nhau bằng bê tông cốt thép có tổng diện tích 150 m².

- Bể chứa nước sạch:

+ Bể chứa nước sạch bằng bê tông cốt thép hình tròn có diện tích 130m², thể tích chứa 300m³.

- Trạm bơm số II: + Trạm bơm số 2 được gia cố lại nền và làm sạch tường bao. Cải tạo lại mái và sơn so với thời điểm mới bắt đầu hoạt động từ năm 2002.

+ Hệ thống bơm và đường ống trải qua nhiều đợt duy tu, bảo dưỡng và thay thế hiện đang đảm bảo công suất vận hành đáp ứng nhu cầu của nhân dân thị trấn Hương Khê và vùng lân cận.

Hiện trạng các hạng mục công trình của Chi nhánh cấp nước Hương Khê đang hoạt động tốt. Hàng tháng, Chi nhánh cấp nước Hương Khê đều có chương trình bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị của trạm, đảm bảo cho trạm luôn trong tình trạng hoạt động hiệu quả, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân.

Công nghệ sản xuất vận hành: Công nghệ xử lý bằng hệ bể lọc nhanh bao gồm các công đoạn chính là lắng, lọc (trong quy trình lắng có bổ sung hóa chất keo tụ, tạo bông đảm bảo cho quá trình lắng các cặn bẩn có trong nguồn nước khai thác; nước sau quá trình lọc được khử trùng bằng Clo trước khi dẫn về bể chứa nước sạch cung cấp cho mạng lưới cấp nước của xã Hương Khê).

1.5.2. Các công trình phụ trợ

a./. Hệ thống giao thông:

Hệ thống sân, đường bê tông nội bộ chạy vòng quanh, tiếp cận trực tiếp với các công trình và sân bãi đảm bảo yêu cầu đi lại và phòng cháy chữa cháy cho Chi nhánh.

b./. Hệ thống cấp điện:

Sử dụng nguồn điện lưới Quốc gia qua mạng lưới điện của xã Hương Khê. Trong Chi nhánh cấp nước Hương Khê đã có 01 trạm biến áp có công suất 100kVA-35/0,4KV. Từ các trạm biến áp có hệ thống đường dây điện đến các nguồn tiêu thụ như trạm bơm nước, thiết bị chiếu sáng, quạt và một số thiết bị sử dụng điện phục vụ sản xuất. Trạm biến áp xây dựng kiểu trạm treo, dây cáp điện dùng loại cáp vặn xoắn. Toàn bộ phần điện được thiết kế dựa vào tiêu chuẩn của

Việt Nam và tiêu chuẩn riêng của ngành.

c./. Hệ thống cấp nước:

- Mạng lưới cấp nước đầu vào của dự án: Nước mặt sông Tiêm được khai thác trực tiếp bằng hệ thống máy bơm và ống dẫn nước thô. Nước được bơm từ Trạm bơm cấp I, từ đây nước được dẫn theo đường ống gang D150 có chiều dài 300m đi chìm dọc theo đường đất hiện trạng (phía Đông Nam Nhà máy) và dẫn về hệ thống xử lý (bể hợp khối).

- Mạng lưới cấp nước sinh hoạt tại Chi nhánh: Chủ yếu được lắp đặt là tại các khu nhà điều hành, nhà ở CBCNV bao gồm tất cả các đường ống và thiết bị dùng để xử lý, phân phối và vận chuyển nước đến các đối tượng dùng nước bên trong các công trình (ví dụ: bồn cầu, vòi rửa sàn, máy giặt, máy nước nóng...).

d./. Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

- Bố trí, xây dựng các trạm biến áp, các tuyến dây và cáp điện phải tuân thủ các quy định pháp luật về PCCC; không để cháy lan sang các công trình xung quanh, đồng thời không được gây nguy hiểm hay cản trở các hoạt động chữa cháy, cứu nạn khi hoả hoạn xảy ra.

- Ở vị trí các TBA, các nhà điều hành, nhà CBCNV, nhà để xe, nhà bảo vệ và nhà kho đều có các bình chữa cháy chuyên dụng.

e./. Hệ thống chống sét:

- Biện pháp chống sét đánh thẳng cho các khu nhà dùng bằng cột thu sét bằng kim loại (cột thu lôi).

- Tiếp địa cho các cột thu lôi chống sét từng cột riêng biệt. Điện trở tiếp địa cho mỗi hố đo sau khi thi công xong phải đảm bảo $R_d \leq 10\Omega$ đúng theo hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống của TCVN 9385-2012-Chống sét cho công trình xây dựng.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

- Quy hoạch BVMT Quốc gia:

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì khu vực triển khai dự án không nằm trong danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải tại phụ lục kèm theo. Cơ sở có các đặc điểm, phương án BVMT phù hợp với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường được nêu trong dự thảo Quy hoạch, bao gồm nhóm giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội, nhóm giải pháp quản lý chất thải. Dự án không mâu thuẫn với quan điểm, định hướng, mục tiêu của Dự thảo quy hoạch BVMT Quốc gia.

- Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

Phù hợp theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

Theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022, cho thấy Dự án phù hợp với định hướng: “*Tiếp tục mở rộng phạm vi dịch vụ cung cấp nước sạch, giảm thiểu thất thoát nước ở khu vực đô thị; tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế cho nhân dân ở khu vực nông thôn*” (Điểm e, khoản 2, phần II, điều 1 của Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Nhà máy có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu đối với môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh:

Theo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg

ngày 08/11/2022 có định hướng phương án phát triển các khu xử lý chất thải như sau: “*Khai thác có hiệu quả nguồn nước thô từ các hồ chứa, sông, sông suối đảm bảo cấp nước cho các nhà máy xử lý nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trên địa bàn; Phát huy công suất các nhà máy nước hiện có; Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho các vùng nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên xã*” (Theo Điểm a, b, khoản 8, phần III, điều 1 của Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022).

- Quy hoạch sử dụng đất:

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM856639 ngày 11/8/2013 với diện tích 3.326,8m² tại xã Hương Khê, huyện Hương Khê để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ.

- Phân vùng môi trường:

Theo tiêu chí phân vùng môi trường được quy định tại Điều 22, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thì vị trí Cơ sở “Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh – Cấp nước Hương Khê” nằm tại thôn TDP7, xã Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh - Vị trí dự án không liên quan đến hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, di tích lịch sử văn hóa, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực nội thành, nội thị hiện có hoặc xác định quy hoạch của các đô thị.

Căn cứ Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 thì vị trí dự án không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải theo phương án phân vùng môi trường tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030.

Tóm lại, Cơ sở có vị trí, chức năng, nhiệm vụ hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Như đã xác định, nguồn tiếp nhận nước thải của Chi nhánh cấp nước Hương Khê là sông Ngàn Sâu. Sông Ngàn Sâu là một chi lưu của Sông La với chiều dài 131km, bắt nguồn từ vùng núi Ông Giao (cao 1.100m) và núi Cũ Lân (cao 1.014m) thuộc dãy núi Trường Sơn nằm trên địa bàn giáp ranh của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Sông có hướng chảy về phía Bắc qua huyện Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ và Hương Sơn rồi kết hợp với sông Ngàn Phố tại ngã ba Tam Soa huyện Đức Thọ tạo thành dòng Sông La. Sông Ngàn Sâu có chức năng sử dụng cho mục đích sinh hoạt, tưới tiêu và giao thông thủy.

Diện tích lưu vực 3.214km², độ cao trung bình 360m, độ dốc trung bình 28,2%, mật độ sông suối 0,87km/km². Tổng lượng nước trung bình nhiều năm 6,15 km³ tương ứng với lưu lượng trung bình năm 195 m³/s và modun dòng chảy năm 47l/s.km². Mùa lũ ngắn từ tháng 9-11. Lượng dòng chảy mùa lũ chiếm khoảng 56-57% lượng dòng chảy năm.

Khi nước thải được xả thải vào nguồn tiếp nhận thì khả năng gây ô nhiễm nước nguồn tiếp nhận bởi các thành phần khác nhau như làm tăng độ đục, giảm lượng ôxi hòa tan, làm tăng hàm lượng các chất hữu cơ trong nguồn nước. Mức độ ô nhiễm trong trường hợp này phụ thuộc vào nguồn tiếp nhận và khối lượng, chất lượng của nước thải trước khi xả thải (hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở), ngoài ra còn phụ thuộc vào điều kiện khí hậu trong vùng. Tuy nhiên, nước thải của Cơ sở trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận đã được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 1, K_f = 1,1. Mặt khác, nguồn nước sông Ngàn Sâu được sử dụng đa mục đích, trong đó có mục đích cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu nông nghiệp... nên các tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác là không đáng kể.

- Đánh giá khả năng chịu tải: Để đánh giá tác động của hoạt động xả thải từ dự án đến chất lượng của nguồn nước sông Ngàn Sâu thì trước hết phải đánh giá khả năng nhận thải hiện tại của nó và với khả năng đó có đáp ứng được nhu cầu xả thải của dự án hay không, để xem xét mối tương quan này chúng tôi đã tiến hành phân tích, đánh giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; thông tư 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì sức chịu tải của nguồn nước, cụ thể như sau:

*** Công thức đánh giá:**

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$$

Trong đó :

L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày.

L_{td} : Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày.

L_{nn} : Tải lượng của thông số chất lượng hiện có trong nguồn nước của đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày.

F_s : Hệ số an toàn. F_s = 0,7 - 0,9.

➤ Tính toán tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt:

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. C_{qc} được tính toán tại Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước của QCVN 08:2023/BTNMT;

Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá và được xác định theo quy định là m^3/s . $Q_s = 8,82m^3/s$;

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Từ các giá trị C_{qc} , Q_s ở trên ta có thể tính toán được tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 3. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận (L_{td})

	Thông số phân tích	Đơn vị	Mức A của QCVN 08:2023/BTNMT (mg/l)	L _{td} (kg/ngày)
1	COD	mg/l	≤ 10	7.620,48
2	TSS	mg/l	≤ 25	19.051,20
3	Tổng N	mg/l	≤ 0,6	457,23
4	Tổng P	mg/l	≤ 0,1	76,20
5	Tổng Coliform	mg/l	≤ 1.000	762.048,00

➤ **Tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước:**

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

C_{nn} : Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l. C_{nn} được xác định tại Bảng chất lượng của nguồn nước tiếp nhận, giá trị đo trung bình của 3 đợt;

Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s . $Q_s = 8,82m^3/s$;

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Từ các giá trị C_{nn} , Q_s đã xác định ở trên, ta có thể tính toán được tải lượng của các chất lượng nước hiện có trong nguồn nước như sau:

Bảng 4. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (L_{nn})

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	L _{nn} (kg/ngày)
1	COD	mg/l	9	6.858,43

2	TSS	mg/l	<5	3.810,24
4	Tổng Nito	mg/l	<0,5	381,02
5	Tổng Photpho	mg/l	<0,03	22,86
6	Tổng Coliform	mg/l	400	304.819,20

- Tính tải lượng chất ô nhiễm có trong nước thải của Cơ sở đưa vào nguồn thải được tính theo công thức:

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$$

Trong đó:

+ L_t (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm có trong nguồn thải.

+ Q_t (m³/s): Lưu lượng nước thải lớn nhất của Cơ sở (Q_t : 0,12m³/s).

+ C_t : (mg/l) là giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nước thải.

Từ công thức trên, tính được tải lượng ô nhiễm trong nước thải của Cơ sở như sau:

Bảng 5. Tải lượng chất ô nhiễm có trong nước thải của Chi nhánh:

TT	Thông số phân tích	Kết quả (TT ₁₈ , mg/l)	L_t (kg/ngày)
2	COD	44	456,19
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	27	279,94
5	Tổng Nitơ	3,8	39,40
6	Tổng Photpho	<0,03	0,31
7	Tổng Coliform	400	4.147,20

➤ **Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải:**

- Khả năng tiếp nhận nước thải của sông Ngàn Sâu tại khu vực nhận thải được tính như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times F_s$$

Trong đó F_s : Hệ số an toàn, chọn $F_s = 0,5$

Bảng 6. Khả năng tiếp nhận nước thải của sông Ngàn Sâu tại khu vực nhận thải

TT	Thông số phân tích	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
1	COD	7.620,48	6.858,43	456,19	152,93
2	TSS	19.051,20	3.810,24	279,94	7480,51
3	Tổng N	457,23	381,02	39,40	18,405
4	Tổng P	76,20	22,86	0,31	26,515
5	Tổng Coliform	762.048,00	304.819,20	4.147,20	226540,8

Kết luận: Qua kết quả tính toán ở bảng trên ta thấy giá trị L_{tn} của các thông số ô nhiễm đều dương, điều này cho thấy sông Ngàn Sâu vẫn đủ khả năng tiếp nhận tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải của Chi nhánh, do đó hoạt động xả thải của Cơ sở tác động không đáng kể đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước sông Ngàn Sâu.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

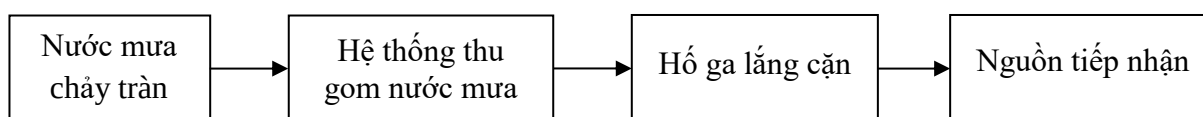
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa từ các mái nhà được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính D110mm và dẫn xuống hệ thống mương dẫn nước xung quanh nhà; nước mưa chảy tràn bề mặt sân bãi, mặt đường... được thoát tự chảy về các rãnh thu nước và tới mương dẫn. Hệ thống mương dẫn có kích thước BxH = 0,6x0,5m được xây bằng bê tông kiên cố, độ dốc từ 0,01 ÷ 0,1%, có nắp đậy hở là các tấm đan làm bằng thép. Dọc mương dẫn có bố trí các hố ga để xử lý nước mưa chảy tràn bằng phương pháp cơ học lắng cặn, đất cát trước khi thải ra môi trường tiếp.



Hình 3. Mương thu gom tiêu thoát nước mưa.



Hình 4. Sơ đồ hệ thống thu gom tiêu thoát nước mưa.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a./. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01:

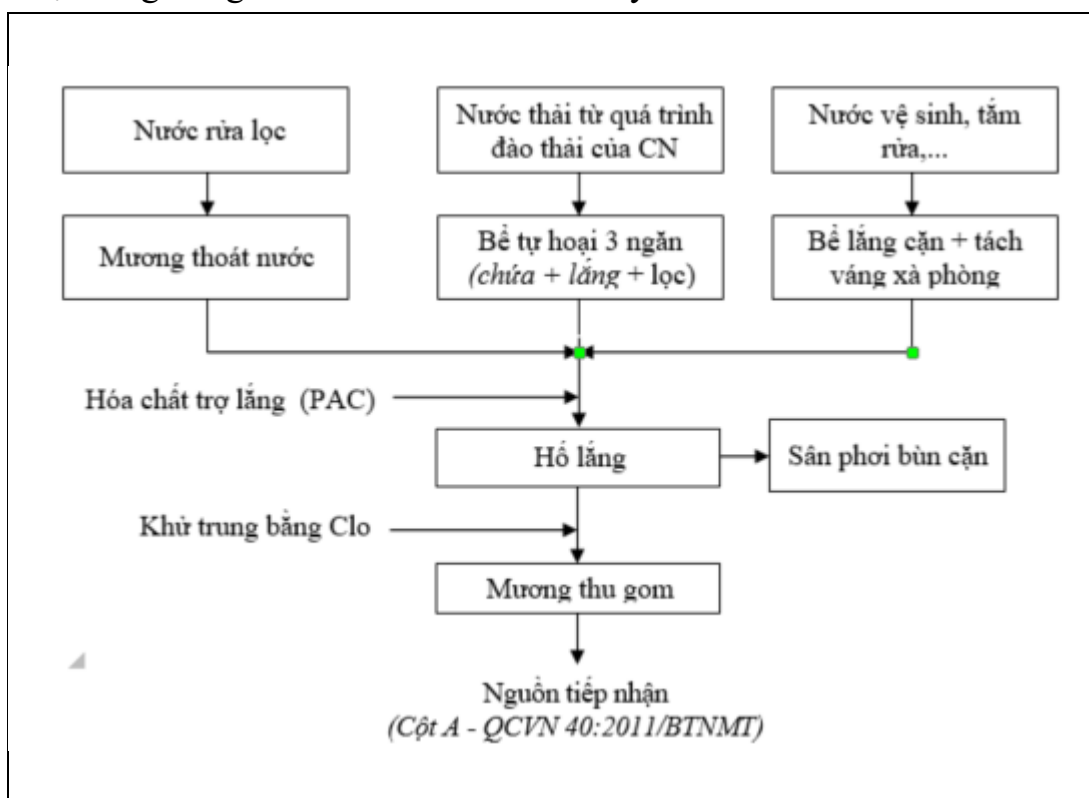
Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở. Lưu lượng khoảng $100\% \times 0,4 = 0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (nước thải tính bằng 100% nước cấp).

- Nguồn số 02:

Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bể lắng, lọc. Lưu lượng phát sinh tính toán dựa trên quy trình vận hành của Nhà máy: $Q_{rl} = 90 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

b./. Công trình thu gom nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy như sau:



Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải

- Nguồn số 01:

+ Đối với nước thải từ quá trình đào thải của con người (nước thải đen) được thu gom vào bể tự hoại đặt dưới công trình nhà vệ sinh. Sau đó thải ra hệ thống xử lý tập trung (hố lắng cặn) để xử lý trước khi cho vào mương thu gom tập trung và thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Đối với nước thải từ hoạt động tắm rửa,... của cán bộ công nhân viên trong Cơ sở được tách rác bằng song chắn rác rồi thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa $\phi 60 \div 100\text{mm}$ dẫn vào hố lắng cặn kết hợp tách vẩn xà phòng, sau đó mới dẫn vào hệ thống xử lý nước thải chung của Nhà máy.

- Nguồn số 02:

Với đặc thù riêng của Chi nhánh cấp nước Hương Khê, nước thải từ quá trình rửa lọc từ hệ thống bể lắng + lọc. Trung bình 2 ngày/lần sẽ tiến hành súc rửa hệ thống bể hợp khối để tăng hiệu quả xử lý nước cấp.

+ Nước thải sản xuất được thu gom vào các mương thoát nước kích thước $B \times H = 0,6 \times 0,5\text{m}$ được xây bằng gạch, trát vữa xi măng dày 1,5cm, đáy mương được đổ bê tông đá dăm dày 10cm, bên trên đổ tấm đan bê tông cốt thép dày 7cm.

+ Trên mương bố trí hố lắng cặn (hố ga) để lắng cặn còn lại trong nước rửa lọc, nước thải sau lắng được dẫn ra mương thoát nước thải tập trung của Chi nhánh (cùng với nước thải sinh hoạt) rồi dẫn ra hệ thống thoát thải chung của khu vực. Từ hệ thống thoát thải, nước thải được thải ra sông Ngàn Sâu.

Bảng 7. Bảng thống kê khối lượng hệ thống thoát nước thải:

TT	Công trình	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	Hệ thống	01	Hệ thống thu gom nước thải được lắp đặt các ống thu gom từ nguồn bằng PVC D60-100
2	Mương thoát nước thải	m	25	Đáy mương bê tông vữa, thành mương xây gạch vữa, kích thước BxH = 0,6x0,5m, bên trên có nắp đan
5	Hố lắng nước thải	Cái	01	Đáy hố bằng bê tông vữa, thành xây gạch BxLxH = 1,0x1,0x1,0m
4	Mương thu gom nước thải	m	20	Đáy mương bê tông vữa, thành mương xây gạch vữa, kích thước BxH = 0,6x0,5m, bên trên có nắp đan

c./. Công trình thoát nước thải:

Nước thải của Chi nhánh cấp nước Hương Khê sau khi xử lý được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực ra sông Ngàn Sâu. Hệ thống thoát nước chung bao gồm có: Mương thoát nước dọc đường vào Cơ sở ra hố tập trung trên khu vực, từ đây nước thải chảy qua đường Lê Hữu Trác bằng cống bê tông cốt thép tại Tổ dân phố 11 rồi chảy xuống mương thoát nước nội đồng tại Tổ dân phố 10, từ đây nước thải chảy vào khe Su, khe Su chảy qua vùng nội đồng thuộc xã Hương Phố (xã Gia Phố trước đây) rồi nhập vào sông Ngàn Sâu tại thôn Thượng Hải, xã Hương Phố. Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chung khoảng 1,4km.

d./. Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2010 082; Y = 0521 977 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, được xác định bằng máy định vị GPS cầm tay).

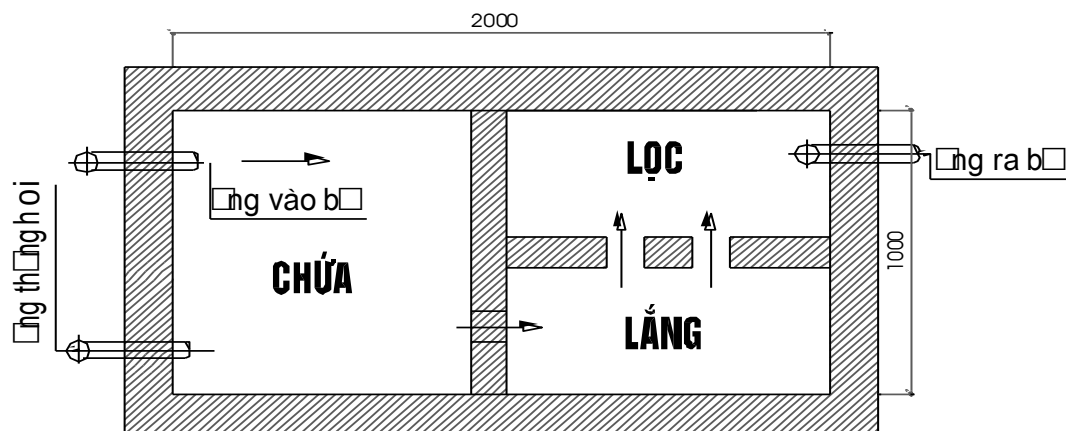
3.1.3. Xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ hoạt động đào thải của con người và nước từ hoạt động vệ sinh, tắm rửa được xử lý trước khi cho vào hệ

thống xử lý chung của Nhà máy, cụ thể:

- Nước thải từ quá trình thải của con người được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn tải tiền (Bastaf) xây ngầm ở khu vực nhà vệ sinh.



Hình 6. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn (Bastaf)

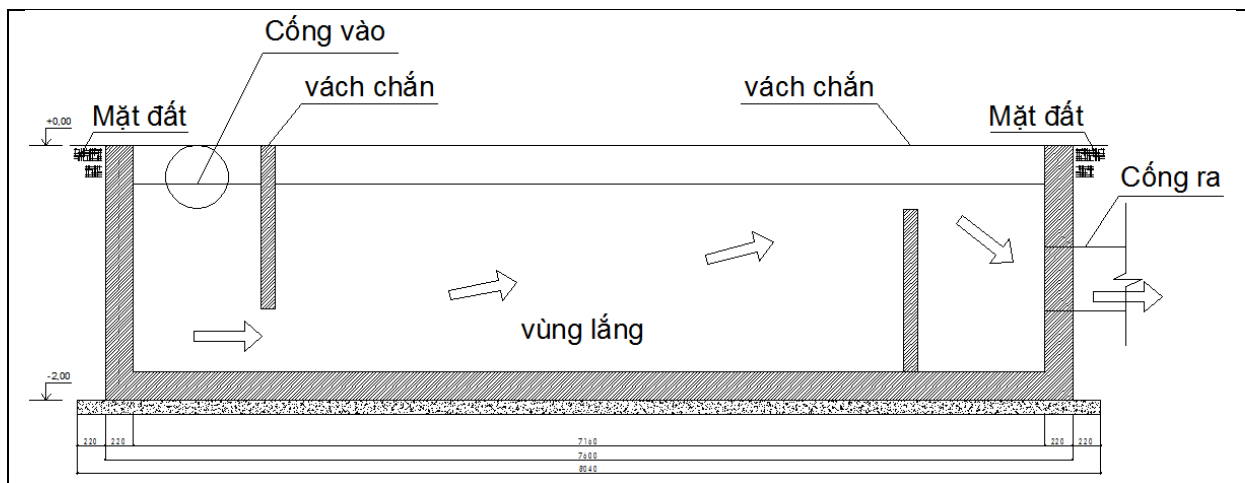
- Bể tự hoại có các vách ngăn chứa, lắng, lọc được thiết kế theo mẫu của Viện Tiêu hóa - Bộ xây dựng với thời gian lưu khoảng 2 ngày. Dung tích bể được tính toán phù hợp với lưu lượng nước thải có khối tích chứa 3m³. Định kỳ 3 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả xử lý của bể. Nước thải sau xử lý được dẫn ra hố lắng cạn cùng với nước thải súc rửa các bể chứa, bể lọc để xử lý tiếp.

- Đối với nước thải từ hoạt động tắm rửa,... của cán bộ công nhân viên trong Cơ sở được tách rác bằng song chắn rác rồi thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa $\phi 60 \div 100\text{mm}$ dẫn vào hố lắng cạn kết hợp tách váng xà phòng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Thực tế, các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong phạm vi Cơ sở là rất ít, do sau mỗi ca làm việc sẽ về nhà để ở và sinh hoạt. Vì vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại Cơ sở thấp hơn nhiều so với số liệu tính toán. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ được dẫn thải chung với nước thải sản xuất ra hệ thống thoát thải chung của khu vực.

b) Nước thải sản xuất:

Như đã trình bày ở trên, thành phần chủ yếu của nước thải từ hoạt động rửa lọc phát sinh trong quá trình sản xuất nước sạch của Cơ sở chủ yếu là cặn lơ lửng, không có hóa chất độc hại cũng như không có vi sinh vật gây bệnh. Vì vậy, Cơ sở lựa chọn công nghệ xử lý bằng biện pháp lắng cơ học tại hố lắng cạn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.



Hình 7. Sơ đồ cấu tạo của hồ lắng.

Quy trình hoạt động của hệ thống xử lý:

+ Các loại nước thải sau khi tập trung vào hồ lắng (bể chứa nước rửa lọc) sẽ được giữ lại tại đây ≥ 30 phút/ngày. Tại đây, diễn ra quá trình lắng cơ học các chất bẩn có trong nước thải, bổ sung hóa chất trợ lắng từ đầu nguồn thải vào bể (sử dụng hóa chất trợ lắng PAC có sẵn tại Nhà máy), các chất bẩn lơ lửng nhờ hóa chất trợ lắng sẽ dần kết dính với nhau và lắng cơ học xuống đáy bể. Phần nước sạch sau lắng được khử trùng bằng Clo trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trên khu vực, sau đó chảy ra sông Ngàn Sâu. Hồ lắng có diện tích 76m^2 bố trí ở phía Đông Bắc nhà máy, phân căn định kỳ 2 lần/tuần tiến hành thu gom qua sân phơi bùn. Nước thải sau khi qua hồ lắng căn sẽ được dẫn vào mương thu gom tập trung phía Tây Bắc khuôn viên Cơ sở và thải ra hệ thống thoát nước chung trên khu vực ra sông Ngàn Sâu (chất lượng nước thải của Cơ sở sau xử lý đạt Cột A QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

Bảng 8. Danh mục các trang thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải:

TT	Hạng mục	Số lượng	Quy cách	Nhiệm vụ
1	Bể tự hoại 3 ngăn	01	2 m^3	Xử lý nước thải từ quá trình đào thải của CN nhằm giảm hàm lượng SS, hàm lượng kim loại nặng, BOD, COD và tăng độ trong của nước.
2	Hồ lắng + tách xà phòng	01	$0,5 \times 0,5 \times 0,4\text{m}$	Tách cặn, vớt xà phòng từ nước rửa, vệ sinh của CN
3	Mương thoát nước	01	25m	Thu gom nước rửa lọc
4	Hồ lắng căn tập trung	01	$7,6 \times 10 \times 2\text{m}$	Lắng tập trung nước rửa lọc và nước thải sinh hoạt nhằm loại bỏ

				SS còn lại trong nước thải
5	Mương thu gom tập trung	01	20m	Thu gom tập trung nước thải sau hố lắng cạn ra điểm xả thải của Nhà máy

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

➤ Nguồn phát sinh khí thải:

Bụi và khí thải thải ra từ các phương tiện như ô tô, xe máy của nhân viên, khách hàng, phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thiết bị (Hóa chất khử trùng, ống nước, ...). Các phương tiện chủ yếu là loại xe sử dụng nguyên liệu là xăng và dầu. Các loại xe này trong quá trình hoạt động sẽ thải ra một lượng khí thải gồm các khí bụi, SO_x, NO_x, CO... gây tác động tiêu cực tới môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên, số lượng phương tiện ra vào Chi nhánh là rất ít nên mức độ tác động của chúng là không đáng kể.

➤ Công trình, biện pháp xử lý:

Các giải pháp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn của dự án bao gồm:

- Vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên Chi nhánh nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện giao thông ra vào khu vực.
- Phải lắp đặt quạt thông gió, tại kho, xưởng sửa chữa, để lưu thông, điều hòa môi trường không khí tại khu vực sản xuất.
- Tăng cường trồng cây xanh trên diện tích quy hoạch đất trồng cây sân vườn trong khuôn viên Chi nhánh để giảm bụi phát tán ra môi trường xung quanh và điều hòa không khí khu vực
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất để tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu giảm khí thải và hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại cơ sở như: quần áo bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, giày,...

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Nguồn phát sinh : Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là rác thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên (như túi ni lông, thức ăn dư thừa,...).

Với tổng số cán bộ nhân viên là 04 người, lượng rác thải phát sinh bình quân 0,5 kg/người/ngày. Như vậy, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là: $4 \times 0,5 = 2\text{kg/ngày}$. Đặc tính của loại rác thải là chứa chất hữu cơ dễ phân huỷ và gây mùi hôi thối. Vì vậy nếu không có biện pháp thu gom, xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh và sức khỏe con người.

*** Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:**

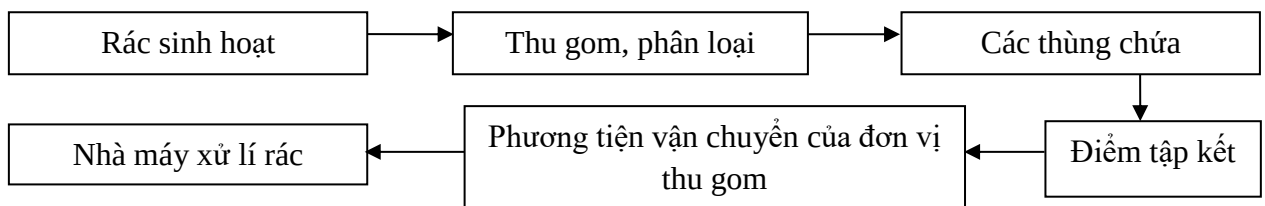
Thực hiện phân loại, thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tuân thủ theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Trong khuôn viên nhà làm việc, nhà ở công nhân và nhà kho sẽ bố trí 03 thùng chứa chất thải rắn chuyên dụng loại 40 lít có nắp đậy, có dán nhãn đặt tại khu vực gần nhà vệ sinh chung phía Đông Cơ sở. Chất thải rắn sinh hoạt của Cơ sở được thu gom và phân thành 03 loại xử lý như sau:

+ Đối với chất thải có thành phần hữu cơ dễ phân hủy (vỏ hoa quả, rau, thức ăn thừa...) thu gom hằng ngày vào thùng chứa để ủ làm phân bón cho cây trồng trong khuôn viên Cơ sở.

+ Đối với chất thải có nguồn gốc kim loại, nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy được thu gom vào thùng chứa để bán phế liệu.

+ Đối với chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng chứa và hợp đồng với Hợp tác xã môi trường tiến hành thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đúng theo quy định, tần suất 1 tuần/lần.



Hình 8. Quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt

3.3.2. Chất thải rắn sản xuất:

a, Vật liệu lọc:

+ Lớp vật liệu lọc tại Cơ sở là cát, trung bình khoảng 3 năm thay lớp vật liệu lọc 1 lần. Theo thực tế hoạt động rửa lọc tại Cơ sở, lượng cát trong hệ thống bể lọc có 30m³, hàng năm có bổ sung lượng cát hao hụt do quá trình rửa lọc. Do đó, mỗi lần thay lớp vật liệu lọc phát sinh khoảng 30m³. Lượng cát thải sau mỗi lần rửa lọc sẽ được thu gom và xử lý theo quy định.

b, Bùn, đất cặn từ hoạt động nạo vét mương thoát nước mưa, bể tự hoại, khu xử lý nước thải

- Bùn cặn từ bể tự hoại:

Khối lượng bùn cặn từ bể tự hoại được tính toán như sau:

$$V_c = [a \times T_c \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000], (m^3);$$

Trong đó:

+ a: Lượng cặn trung bình của một người thải ra một ngày là 0,2 lít/ng.ngđ.

+ T_c: Thời gian giữa hai lần lấy cặn, T_c = 24 tháng (730ngày).

+W₁; W₂: Độ ẩm cần tưới vào bề và của cần khi lên men, tương ứng là 95% và 90%.

+ b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cần khi lên men (giảm 70%) và lấy bằng 0,3.

+ c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cần đã lên men khi hút cần để giữ lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cần được nhanh chóng, dễ dàng, để lại 20%; c=1,2.

+ N: 4 người.

Vậy, khối lượng bùn cần phát sinh vào thời điểm lấy cần:

$$V_c = (0,2 \times 730 \times 5 \times 0,3 \times 1,2 \times 4) / (10 \times 1000) = 0,105 \text{ m}^3.$$

Như vậy khối lượng bùn cần phát sinh từ bể tự hoại trong hai năm là 0,105m³.

- *Bùn thải khác phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:*

Nguồn phát sinh :

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý là bùn dư thu từ bể sinh học:

$$B_{sh} = Q \times (0,8 \times TSS + 0,3 \times BOD) \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó: Q: Lưu lượng nước thải (m³/ngày);

TSS: Hàm lượng cặn lơ lửng có trong nước thải, SS = 220 mg/l;

BOD: Hàm lượng BOD, 250mg/l.

(Nguồn SS, BOD5: Trần Đức Hạ, Công trình và công nghệ xử lý nước thải quy mô nhỏ).

$$B_{sh} = 90,4 \times (0,8 \times 220 + 0,3 \times 250) / 1000 = 22,7 \text{ kg/ngày.}$$

* *Phương pháp xử lý:*

+ Bùn ở bể tự hoại phát sinh từ chất thải của con người vì vậy không chứa các thành phần nguy hại theo quy định của pháp luật sẽ được xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường. Vì vậy Công ty sẽ hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh sử dụng phương tiện chuyên dụng, định kỳ 2 năm/lần tiến hành hút và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn cần ở bể lắng định kỳ 01 năm/lần tiến hành nạo vét, được đưa về sân phơi bùn để phơi khô và sau đó tận dụng để bón cho cây xanh trồng trong khuôn viên cơ sở.

- Bùn từ nạo vét hố ga, mương thoát nước: khối lượng phát sinh khoảng 0,5m³/lần/năm. Sẽ được tái sử dụng vào các khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên Cơ sở.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Nguồn phát sinh : Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động bao gồm các loại bóng đèn bị hỏng; dầu lau dầu mỡ... Tuy nhiên hiện tại chưa có định mức tính toán lượng chất thải nguy hại phát sinh. Dựa vào quy trình sản xuất của

Chi nhánh cũng như sinh hoạt của cán bộ nhân viên, chúng tôi ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh vào khoảng 2kg/tháng. Lượng rác thải này tuy không nhiều, nhưng nếu không được thu gom xử lý triệt để sẽ làm phát tán ra khu vực xung quanh, ảnh hưởng đến môi trường đất và môi trường nước mặt xung quanh khu vực.

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 2kg/tháng được tập trung vào 01 thùng chứa kín, có dán nhãn phân loại, dấu hiệu cảnh báo và lưu giữ riêng biệt với chất thải thông thường tại khu vực riêng trong nhà kho của cơ sở, rồi định kỳ Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Chất thải nguy hại được thu gom xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Bảng 9. Phân loại chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	1,5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	0,5
Tổng cộng (kg)				2

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

* Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy bơm.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của cán bộ công nhân viên. Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, mức độ phát sinh tiếng ồn.

*Các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung tại nhà máy sẽ được thực hiện như sau:

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Chi nhánh giúp lọc bụi, hấp thụ khí thải, ngăn tiếng ồn và độ rung.
- Ban hành quy định nội bộ nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do động cơ điện:
- + Bộ máy bằng bê tông chất lượng cao;

- + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su;
- + Bảo dưỡng định kỳ;
- + Thay thế các ổ bi, các trục bị mòn.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Từ quá trình hoạt động từ trước đến nay chưa xảy ra sự cố môi trường, sự cố của HTXLNT hay ý kiến phản ánh của người dân. Để quá trình hoạt động của cơ sở được ổn định Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

3.6.1. Phương án khắc phục sự cố về hoạt động của hệ thống xử lý nước cấp

Hệ thống xử lý nước cấp gặp sự cố do các nguyên nhân như sau:

- Các bơm bị sự cố như bơm chính bị hư hỏng, các bơm nước rửa ngược không hoạt động, các bơm cung cấp nước bị hư, trục trặc kỹ thuật.
- Các ống và hệ thống châm Clo bị hư, nghẹt đường ống dẫn Clo.
- Hệ thống điện trung thế, hạ thế hư hỏng sẽ làm cho Cơ sở không có điện sản xuất.

- Vật liệu lọc không còn hiệu quả. Bề mặt bể bị bong tróc.

**Biện pháp giải thiếu:*

- Quan trắc định kỳ chất lượng nguồn nước cấp cho các hộ dân.
- Kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị 1 tháng/lần; Vận hành đúng thao tác, đúng quy trình không để hơi nước lọt vào trong đường ống.
- Có kế hoạch sửa chữa thay thế mua mới các thiết bị, máy móc, đường ống khi có sự cố; Trang bị bơm dự phòng.

Thường xuyên định kỳ vệ sinh bể chứa; Định kỳ kiểm tra giám sát, theo dõi chất lượng, độ mặn của các tầng chứa nước khai thác.

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố do cháy nổ, sét đánh, điện giật

- Trong vận hành trạm xử lý nước cấp, thiết kế kỹ thuật xây dựng trạm xử lý, các nhà thiết kế phải quan tâm đến các công trình phụ trợ để phòng chống cháy nổ và sự cố môi trường (thiết bị tự ngắt, mặt nạ phòng độc..). Công nhân vận hành phải được huấn luyện ứng cứu sự cố.

- Bố trí sơ đồ hệ thống điện trong các khu nhà, trạm bơm phải gọn gàng, bố trí rơ le tự động ngắt khi có sự cố xảy ra, giảm thiểu tối đa sự tác động của các tác nhân bên ngoài đến hệ thống dây điện.

- Có đầy đủ phương tiện và trang thiết bị chữa cháy. Lắp đặt các thiết bị phòng cháy ở nơi dễ nhìn thấy. Lắp đặt mạng lưới cấp nước chữa cháy có áp lực cao, đủ lưu lượng sử dụng cần thiết khi có hỏa hoạn xảy ra.

- Cán bộ công nhân viên phải được tập huấn thường xuyên về công tác PCCC, hàng năm phải có tổ chức buổi diễn tập.

- Các hạng mục công trình đều được chống sét đảm bảo đạt tiêu chuẩn về chống sét cho các công trình xây dựng TCXD 46-84. Hệ thu sét của mỗi nhà

được thiết kế là hệ thu sét lưới nối với hệ tiếp địa qua kẹp kiểm tra.

3.6.2. Phòng ngừa sự cố thiên tai, bão lũ và ngập úng:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, tu bổ, chằng chống lại nhà cửa, công trình công cộng, chống cây xanh, cột đèn; chặt phát cành cây gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy. Đây là khu vực sát biển nên thường chịu tác động mạnh của gió bão do đó công tác phòng chống tác động do bão sẽ được Công ty đặc biệt quan tâm. Tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống kho tàng, cây xanh trong khách sạn; Kiểm tra, sửa chữa hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố gas, tránh hiện tượng ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Tiến hành nạo vét hệ thống mương thoát nước thải, mương thoát nước mưa trong toàn khu vực công trình, nhằm hạn chế ngập lụt cuốn trôi chất bẩn gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

- Khi gió bão, triều cường vượt mức thiết kế chống chịu của đê biển gây vỡ đê Công ty sẽ kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng biết để có phương án ứng cứu và phối hợp xử lý, có biện pháp thu gom, ngăn chặn hạn chế chất thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

3.6.3. Phòng ngừa sự cố dịch bệnh:

- Tổ chức phun thuốc diệt muỗi và diệt vector truyền bệnh dịch: Dịch sốt xuất huyết, sốt rét và các dịch bệnh do côn trùng gây nên.

- Tiến hành vệ sinh khai thông cống rãnh, tránh ứ đọng nước thải, rác thải.

- Sử dụng hóa chất khử trùng tẩy rửa nhà vệ sinh. Định kỳ thay và xử lý nước thải tại hồ bơi đảm bảo theo quy định.

- Khi phát hiện tại địa phương đang có dịch, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

3.6.6. Phương án khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và sự cố nghẹt đường dẫn của hệ thống thoát nước

Những sự cố thường gặp xảy ra tại Khu xử lý nước thải như: bùn nổi ở bề mặt, bùn hôi. Sự cố nghẹt đường dẫn của hệ thống thoát nước có thể xảy ra. Nguyên nhân là do cặn bẩn tích tụ trong đường ống, lâu ngày sẽ gây ra tình trạng ứ đọng và sẽ cản trở việc thoát nước trong đường ống. Sự cố này sẽ dẫn đến quá trình thoát nước chậm hoặc tắc nghẽn, mùi hôi phát sinh từ cống,... gây nhiều phiền toái cho người dân tại khu vực Cơ sở.

**Biện pháp giảm thiểu:*

- Thường xuyên định kỳ kiểm tra tình trạng tại khu vực xử lý nước thải của Cơ sở. Định kỳ hút bùn tại bể lắng.
- Định kỳ kiểm tra đường dẫn hệ thống thoát nước thải của Cơ sở.
- Lắp đặt các song chắn rác tại đầu ống dẫn thoát nước của Cơ sở.
- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình không chế ô nhiễm.
- Khi có dấu hiệu về nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu chất lượng nước thải xả vào nguồn nước (mùi, màu sắc, độ đục,...), nhân viên vận hành phải tiến hành điều tra để xác định nguyên nhân của sự cố.
- Sau khi xác định nguyên nhân dẫn đến sự cố, đối với từng nguyên nhân cụ thể sẽ xử lý sự cố theo từng cách riêng biệt phù hợp theo Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải đã cung cấp từ đơn vị thiết kế thi công hệ thống xử lý nước thải.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành hệ thống xử lý, để hạn chế xảy ra các sự cố như rò rỉ hoặc tràn nước thải ra ngoài, tắc nghẽn các đường ống dẫn,... cần phải thường xuyên làm sạch đường ống, kiểm tra mực nước trong các bồn, bể chứa, thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống dẫn và các thiết bị, máy móc.

3.6.7. Giảm thiểu sự cố vỡ đường ống cấp nước

Do chất lượng của ống không đồng đều. Tại một số vị trí của ống có hiện tượng bong rộp, tách lớp, một số chỉ tiêu cơ lý không đảm bảo dẫn đến suy giảm khả năng chịu lực cục bộ của đường ống; Thiếu các yêu cầu kỹ thuật đối với việc

sản xuất, thi công lắp đặt ống theo tiêu chuẩn áp dụng; Đường ống đã chịu tác động bất lợi trong quá trình thi công, lắp đặt. Tại một số vị trí xuất hiện tảng đá, bê tông lẫn vào lớp cát đệm xung quanh ống làm mất ổn định của ống.

** Biện pháp giải thiểu:*

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, máy bơm. Có kế hoạch ứng phó sự cố.
- Thường xuyên ứng phó sự cố vỡ đường ống để phản ứng kịp thời khi sự cố xảy ra, đảm bảo cấp nước liên tục và đảm bảo chất lượng.
- Theo dõi lượng bùn thu được từ Khu xử lý nước thải để xác định hiệu quả xử lý nước.
- Lập kế hoạch kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo lưu lượng các đồng hồ áp suất theo quy định.
- Thông báo với chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan khi có sự cố.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trước năm 2015, Chi nhánh cấp nước Hương Khê chỉ hoạt động với quy mô $1.200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ phục vụ nhu cầu của người dân. Từ năm 2015 đến năm 2020, do nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng lên, Chi nhánh đã nâng công suất hoạt động lên $1.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt mới Trạm bơm cấp I và hệ thống đường ống dẫn D150mm và đã thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án **Lắp đặt tuyến ống nước thô lên khu xử lý và lắp đặt bơm trực ngang $125\text{m}^3/\text{h}$, $H=41\text{m}$** ” của Chi nhánh cấp nước Hương Khê tại thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê đảm bảo nâng công suất khai thác lên $2.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Ngày 30/9/2020, Chi nhánh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ***Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3292/GP-UBND với lưu lượng xả thải lớn nhất là $61\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.***

Ngày 19/8/2024, Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh tiếp tục có phương án nâng công suất khai thác lên $3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tại Quyết định số 205/QĐ-HĐQT.TTĐ quyết định về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên $3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, trạm bơm cấp II – Chi nhánh cấp nước Hương Khê).

Do vậy, tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT cho Chi nhánh cấp nước Hương Khê sẽ đề nghị cấp phép đối với nước thải với lưu lượng xả thải tối đa là $90,4\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (như đã tính toán tại mục 1.4.3 tại Chương 1).

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thứ 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở. Lưu lượng $0,4\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nguồn thứ 02: Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất. Lưu lượng $90\text{m}^3/\text{ngày}$.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là $90,4\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm (tương đương $3,77\text{m}^3/\text{h}$).

4.1.3. Dòng nước thải:

Chủ cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải sau khi xử lý tương ứng với nguồn số 01 và 02, nước thải sau khi xử lý tự chảy ra hệ thống thoát thải chung của khu vực sau đó chảy ra sông Ngàn Sâu. Nước thải được xả ven bờ, trên bề mặt nguồn tiếp nhận.

4.1.4. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (Cột A, $F < 2000$).

- Thông số đặc trưng, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải được thể hiện như sau:

Bảng 10. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, hệ số $F \leq 2.000$)
1	pH	mg/l	6 - 9
2	BOD ₅	mg/l	≤ 40
3	COD	mg/l	≤ 65
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40
5	Tổng N	mg/l	≤ 20
6	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	$\leq 0,2$
7	Amoni (Tính theo N)	mg/l	≤ 5
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 1

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, hệ số F ≤ 2.000)
11	Mangan Mn	mg/l	≤ 2
12	Fe	mg/l	≤ 2
13	Asen	mg/l	≤ 0,05
14	Tổng Coliform	MPN/100m l	≤ 3.000

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại TDP 7, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải : X = 2010082; Y = 0521977 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, được xác định bằng máy định vị GPS cầm tay)

- **Phương thức xả nước thải:** Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A, f<2000. Nước thải sau khi xử lý tự chảy ra hệ thống thoát thải chung của khu vực sau đó chảy ra sông Ngàn Sâu. Nước thải được xả ven bờ, trên bề mặt nguồn tiếp nhận.

- **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Sông Ngàn Sâu, đoạn chảy qua thôn Thượng Hải, xã Hương Phố, tỉnh Hà Tĩnh. Vị trí điểm tiếp nhận nước thải có tọa độ: X = 2010978; Y = 0522039 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105030', múi chiếu 30)

- **Chế độ xả nước thải:** Xả gián đoạn, chu kỳ xả 02 ngày/lần, 02 giờ/lần.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.2.1. Nguồn phát sinh

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy bơm.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện của cán bộ, công nhân viên ra vào cơ sở sản xuất.

4.2.2. Vị trí phát sinh

+ Nguồn số 01: Tọa độ X = 2068644; Y=530080 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105030', múi chiếu 30)

+ Nguồn số 02: Là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, mức độ phát sinh tiếng ồn.

4.2.3. Giá trị giới hạn

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ

rung, cụ thể như:

Bảng 11. Giới hạn tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

TT	Thông số	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	Tiếng ồn	70 dBA	55 dBA	Khu vực thông thường
2	Độ rung	70 dB	60 dB	Khu vực thông thường

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong thời gian từ năm 2022 đến nay (02 năm gần đây nhất), Cơ sở chưa có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền. Trong suốt quá trình hoạt động đến nay Cơ sở luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật liên quan đến môi trường nói riêng.

Chủ Cơ sở tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như sau:

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng đủ điều kiện để thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Hợp đồng và giấy phép của các đơn vị thu gom được đính kèm sau phụ lục của báo cáo).

- Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo Kế hoạch Bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Bên cạnh đó trong quá trình thực hiện. Cơ sở đã tạo công ăn việc làm cho người dân trong vùng, tăng thu nguồn ngân sách cho địa phương và không có phản ánh kiến nghị của người dân về vấn đề môi trường đối với cơ sở trong quá trình hoạt động.

5.1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

5.1.1. Lưu lượng nước thải xả ra môi trường

- Tổng lưu lượng nước thải xả ra môi trường:

Năm 2023: + Lưu lượng nước thải sinh hoạt: 124,5 m³/năm

+ Lưu lượng nước thải sản xuất: 2.078 m³/năm

Năm 2024: + Lưu lượng nước thải sinh hoạt: 119,9 m³/năm

+ Lưu lượng nước thải sản xuất: 2.029 m³/năm

5.1.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường:

- Vị trí giám sát: Cuối mương thoát nước thải của nhà máy.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, với các hệ số K_q = 1 và K_f = 1,1.

Kết quả quan trắc định kỳ nước thải của Cơ sở trong hai năm 2023, 2024 được tổng hợp chi tiết tại Bảng 5.1 như sau:

Bảng 12. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 và 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	Giới hạn cho phép
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	
1	pH	-	6,1	7,5	7,0	7,6	6,6	6 - 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	6,7	24,6	21,7	28,7	8,3	30
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	20	42,7	44	40,5	16	75
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	18	34,5	32,8	19,1	28	50
5	Coliform	mg/l	1.700	2.100	1.300	2.500	1.700	3.000
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	<0,2	1,35	<0,2	1,05	0,13	5
7	Chì (Pb)	mg/l	0,0015	0,0038	0,001	KPH	<0,0008	0,1
8	Sắt (Fe)	mg/l	2,8	0,4	1,17	0,37	1,23	1
9	Đồng (Cu)	mg/l	0,034	0,05	<0,025	KPH	0,001	2
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	4,9	52,5	7,8	42,6	8,5	500

(Nguồn : Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023, 2024)

Qua bảng kết quả phân tích cho thấy, hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải trước xử lý cũng ở mức thấp, hầu hết các thông số phân tích đều cho kết quả nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=0,9, Kf=1,1), chỉ có thông số Fe (đợt 1-2023, đợt 1-2024, đợt 1-2025) là vượt tiêu chuẩn cho phép, tuy nhiên mức vượt không lớn. Đối với kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý thì đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép được quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.3. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian từ năm 2023 đến nay (02 năm gần nhất), cơ sở Chi nhánh cấp nước Hương Khê tại xã Hương Khê không có Đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Trong suốt quá trình hoạt động, Chủ cơ sở đã tuân thủ theo các nội dung Kế hoạch BVMT đã được Sở Tài nguyên môi trường xác nhận. Thực hiện thu gom chất thải, xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận; Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải đầy đủ theo quy định.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thời gian vận hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở được thể hiện như sau:

Bảng 13. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

STT	Công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất
1	Hệ thống xử lý nước thải	Từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực	06 tháng tính từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	Dự kiến trong thời gian vận hành thử nghiệm, hoạt động 70-100% công suất

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch quan trắc được xây dựng đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra). Trên cơ sở đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc,

lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- *Vị trí lấy mẫu:* 02 vị trí, bao gồm:

+Vị trí lấy mẫu đầu vào: Nước thải trước bể lắng.

+Vị trí lấy mẫu đầu ra: Nước thải tại sau khi xử lý tại bể lắng, trước khi xả ra ngoài môi trường.

- *Các chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*

Thực hiện giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 4.1.4. Chương 4 của Báo cáo này.

- *Tần suất lấy mẫu:*

Đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu đầu vào và 1 mẫu đầu ra; từ ngày thứ 2 trở đi lấy 1 mẫu đầu ra/ngày).

- *Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc:* Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 061 (cấp lần 03) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 061/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

*** *Chương trình quan trắc nước thải định kỳ***

Căn cứ Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020, điểm a khoản 1 Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ vào loại hình sản xuất, quy mô hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở xác định: Dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo nghị định này, phát sinh nước thải dưới 500m³/ngày (24 giờ) thì không

phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

**** Chương trình quan trắc tự động, liên tục nước thải***

Căn cứ Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020, điểm a khoản 1 Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ vào loại hình sản xuất, quy mô hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở xác định: Dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo nghị định này, phát sinh nước thải dưới 500m³/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường. Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này, nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
 - Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, F<2.000.
 - Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.
 - Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.
 - Cam kết không xả nước thải ra môi trường ngoài vị trí đề nghị cấp phép.
 - Cam kết công khai Giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 102 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
 - Cam kết thường xuyên giám sát, kiểm tra thiết bị, quy trình vận hành để bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời không để ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý chất thải trong quá trình hoạt động.
 - Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung trong giấy phép môi trường được phê duyệt.
 - Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
 - Cam kết phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở để chính quyền địa phương theo dõi, giám sát.
 - Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

PHỤ LỤC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ**

Số: 1986 /XN-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hương Khê, ngày 26 tháng 12 năm 2014

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN
Của Xí nghiệp cấp nước huyện Hương Khê**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung bản Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Xí nghiệp cấp nước huyện Hương Khê” tại khối 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê kèm theo văn bản đề nghị xác nhận số 23/TT-XNCL ngày 22/12/2014 của Xí nghiệp cấp nước Hương Khê.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ XÁC NHẬN:

Điều 1. Bản Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Xí nghiệp cấp nước huyện Hương Khê” tại khối 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê.

Điều 2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Thực hiện kế hoạch quản lý môi trường hàng năm và kế hoạch quan trắc môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Định kỳ 6

tháng/lần báo cáo kết quả quan trắc môi trường về cơ quan phê duyệt xác nhận đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra giám sát.

Điều 3: Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản của “Xí nghiệp cấp nước huyện Hương Khê” tại khối 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác quản lý môi trường của cơ sở.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Xí nghiệp cấp nước Hương Khê;
- UBND thị trấn;
- Lưu: VT/UBND. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Số: 252/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 03/6/2013 (kèm hồ sơ) của Xí nghiệp cấp nước Hương Khê và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số: 1903../STNMT-ĐKTK ngày 12/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Nay công nhận quyền sử dụng đất như cho thuê đất trả tiền hàng năm đối với diện tích 3.326,8m² đất (Ba nghìn ba trăm hai mươi sáu phẩy tám mét vuông đất) do Xí nghiệp cấp nước Hương Khê đang sử dụng tại thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê (đất sử dụng từ trước chưa được Nhà nước cho thuê đất).

+ Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (Xây dựng nhà máy nước Hương Khê);

+ Thời hạn sử dụng: Đến ngày 21/7/2060;

+ Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm;

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BM 856639 cho Xí nghiệp cấp nước Hương Khê sử dụng 3.326,8 m² đất với mục đích và thời hạn nêu trên.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục thửa đất từ hồ sơ địa chính (thửa đất số 101, tờ bản đồ địa chính số 14, tỷ lệ 1/1000) thị trấn Hương Khê do Trung tâm Kỹ thuật và Lưu trữ địa chính Hà Tĩnh (nay là Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ thông tin Hà Tĩnh) xác lập ngày 29/9/2008.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

- Xí nghiệp cấp nước Hương Khê có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật hiện hành;

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:
 - + Thông báo cho các cơ quan có liên quan để xác định nghĩa vụ tài chính và ký Hợp đồng thuê đất với Xí nghiệp cấp nước Hương Khê theo quy định;
 - + Thông báo cho Xí nghiệp cấp nước Hương Khê thực hiện nghĩa vụ tài chính; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BM 856639 cho Xí nghiệp cấp nước Hương Khê sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.
- Giao Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh xác định đơn giá thuê đất, truy thu tiền thuê đất từ thời điểm Xí nghiệp cấp nước Hương Khê sử dụng đến thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND huyện Hương Khê, Chủ tịch UBND thị trấn Hương Khê, Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Hương Khê và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Một bản, điều 3;
- VP UBND đất Hà Tĩnh;
- Sở TN&MT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

Hương Khê, ngày 18 tháng 4 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND HUYỆN HƯƠNG KHÊ
V/V: Thành lập Nhà máy nước huyện.

UBND HUYỆN HƯƠNG KHÊ

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND (Sửa đổi) ngày 21/06/1994;
- Căn cứ công văn số 1113/CV-UB-CN ngày 31/7/2002 của UBND Tỉnh quy định về phương án tổ chức cấp nước sạch và Công văn số 107/KH-TC ngày 05/9/2002 của ông ty Cấp nước Hà Tĩnh;
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức-Lao động TBXH huyện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Nhà máy nước Hương Khê trên cơ sở tiếp nhận bàn giao toàn bộ Dự án Nhà máy nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nhà máy nước là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc UBND huyện, chịu sự theo dõi và chỉ đạo chuyên môn của phòng Giao thông-Xây dựng; Có con dấu riêng, được mở tài khoản giao dịch theo quy định của Pháp luật

Cơ cấu tổ chức Nhà máy nước gồm:

- Giám đốc do UBND huyện bổ nhiệm
- 1 Phó Giám đốc, 1 Kế toán do Giám đốc đề nghị, UBND huyện quyết định.
- Tổ kỹ thuật-Vật tư
- Tổ vận hành, bảo dưỡng máy móc
- Tổ thi công, lắp đặt và kinh doanh nước

Số lượng công nhân, các chức danh cụ thể do Giám đốc trực tiếp hợp đồng và bố trí khi được sự nhất trí của UBND huyện.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Các ông: Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tổ chức-Lao động TBXH, Trưởng phòng Giao thông-Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành. *Hu*

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Sở XD, CT cấp nước Tỉnh
- TT-Huỷ, HĐND huyện
- C.tịch, PCT-UBND huyện
- Lưu

TM.UBND HUYỆN HƯƠNG KHÊ
CHỦ TỊCH



Phan Văn Tích

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC HUYỆN HƯƠNG KHÊ

Quyết định thành lập số: 103/QĐ-CT ngày 21/7/2010
của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh

Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



1849613856639

BM 856639

- a) Thửa đất số: 101, tờ bản đồ số: 14
b) Địa chỉ: Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
c) Diện tích: 3326,8 m² (bằng chữ: Ba nghìn ba trăm hai mươi sáu phẩy tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 3326,8 m²; chung: không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (XD nhà máy nước huyện Hương Khê)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 21/7/2060
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

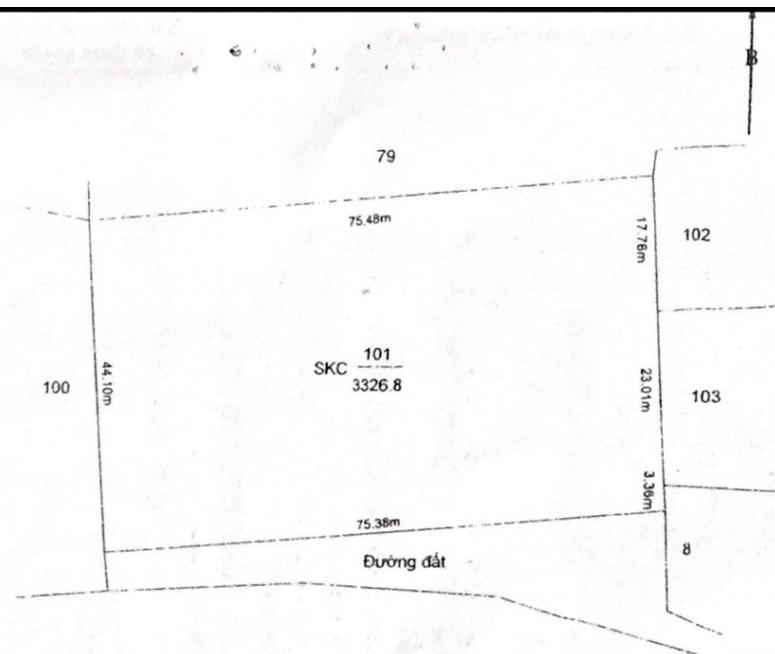
2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.



Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 8 năm 2013
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

Số vào sổ cấp GCN: CT

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đổi tên của đơn vị trực thuộc Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số: 3359/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 21/5/2015;

Căn cứ đề xuất của Ban giám đốc Công ty;

Căn cứ Biên bản số 02/2015/BB-HĐQT ngày 08/7/2015 của Hội đồng quản trị Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên Chi nhánh Xí nghiệp Cấp nước Hương Khê như sau:

Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê.

Địa chỉ: Khối phố 11, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ, đồng thời xây lắp các công trình cấp, thoát nước trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận.

Tổng số CBCNV: 19 người (Có danh sách kèm theo).

Giám đốc Chi nhánh: Ông Phan Đình Hường - Sinh ngày 25/04/1970.

Số CMND: 183145836; Cấp ngày: 06/06/2014; Nơi cấp: CA Hà Tĩnh.

Điều 2. Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Tổ chức và hoạt động của Chi nhánh tuân thủ theo Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ của Công ty và pháp luật hiện hành.

Chi nhánh có trụ sở giao dịch, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015.

Ban Giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban liên quan và Chi nhánh Cấp nước Hương Khê căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban GD C.ty;
- Lưu TC, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Ngọc Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 240701/HĐ – XLMTNA – HAWASU

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP Môi trường Nghi Sơn do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024 tại văn phòng Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên giao) : CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

Địa chỉ : Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, khối phố 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Điện thoại : 0393.685868

Mã số thuế : 3000101973

Đại diện : **Ông Trần Văn Hóa** Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B (Bên nhận) : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0982 491 067 Email:nguyensexuan.xlmt@gmail.com

Tài khoản : 0101000997708

Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- CN Nghệ An

Mã số thuế : 2901070574

Đại diện : **Ông Nguyễn Văn Xuân** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại thường trực khi gọi thu gom chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)



Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH tại: Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh (Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, khối phố 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: **15.000.000 đồng/ 01 lần thu gom**. Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600 kg/ 01 lần thu gom (*Sáu trăm kilogam một lần thu gom*). Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01

2.1.2. Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2. Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng VNĐ theo hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày tính từ sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng đúng quy định của Bộ Tài chính.

- + Giấy đề nghị thanh toán;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng;
- + Liên chứng từ chất thải nguy hại số 4.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo điểm 1 khoản 2.2 thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế

01019
CÔNG TY
PHÁP
NƯỚC
À TÍN
TÍNH T.

phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;

- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;

4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;

4.2.2. Trường hợp Hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;

4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;

5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Bồi thường thiệt hại:

6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;

6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;

6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.

8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

8.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. *Phục*



ĐẠI DIỆN BÊN A

Trần Văn Hòa



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Xuân



TỈNH HÀ TĨNH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 861 /2024/1-2-3-4.104.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4.104.VX

Địa chỉ văn phòng: Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

ĐT: 0982 491 067

Địa chỉ cơ sở: Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

ĐT: 0982 491 067

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

(không)

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:.....

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh

Mã số QLCTNH :

Địa chỉ văn phòng: Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, khối phố 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

ĐT: 0393.685.868

Địa chỉ cơ sở: Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, khối phố 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

ĐT: 0393.685.868

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải		x		17 06 01	30	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hoá); SH(Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC(Sơ chế); HTXLNT(Hệ thống xử lý nước thải); SR(Súc rửa);, HTXLXTT(Hệ thống xử lý xúc tác thải); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (Không)

Nước nhập khẩu:.....

Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 3HA-03952

7.1. Họ và tên người thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hoàng Văn Sơn Ký: Sơn Ngày: 15/11/2024

7.1. Họ và tên người thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

M.S.D.N: 300101973-C.T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

TP. HÀ TĨNH - T. HÀ TĨNH

Phạm Quang Sơn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Nghệ An, ngày.....tháng năm 2024

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH HÀ TĨNH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
			Số: 862 /2024/1-2-3-4.104.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4.104.VX				
Địa chỉ văn phòng: Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An			ĐT: 0982 491 067				
Địa chỉ cơ sở: Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An			ĐT: 0982 491 067				
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn			Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.071.VX				
Địa chỉ văn phòng: Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa			ĐT: 02373 972 566				
Địa chỉ cơ sở: Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa			ĐT: 02373 972 566				
3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh			Mã số QLCTNH :				
Địa chỉ văn phòng: Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, khối phố 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh			ĐT: 0393.685.868				
Địa chỉ cơ sở: Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, khối phố 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh			ĐT: 0393.685.868				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thái	x			16 01 06	1	PT, C
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	10	TĐ
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thái ra là CTNH) thái	x			18 01 01	20	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH(Oxy hoá); SH(Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC(Sơ chế); HTXLNT(Hệ thống xử lý nước thải); SR(Súc rửa);, HTXLXTT(Hệ thống xử lý xúc tác thái); Khác (tên phương pháp);							
5. Xuất khẩu CTNH: (Không) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 37H-039.52							
7.1. Họ và tên người thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hoàng Văn Đức Ký: Đức Ngày: 15/11/2024							
7.1. Họ và tên người thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 11 năm 2024  Phạm Quang Sơn				8. Chủ CS.DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4. Thanh Hóa, ngày.....tháng năm 2024			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3☑ - 4□							
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận chứng từ CTNH)							

Số: 1384/GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 5 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước; Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 3589/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt ngày 10/3/2020 (kèm theo Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt) của Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh, tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1158/TTr-STNMT ngày 23/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, số: 3000101973 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 01/7/2010, thay đổi lần thứ 3, ngày 30/6/2016; địa chỉ trụ ở chính: Đường Nguyễn Hoàn Từ, khối 3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) được khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê, tại khối phố 11, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Sản xuất nước sạch cấp cho thị trấn Hương Khê và vùng lân cận.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Sông Tiêm, thuộc địa phận khối phố 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê.

4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước:

- Khối phố 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Tọa độ vị trí khai thác (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰, được xác định bằng máy định vị GPS cầm tay):

STT	Vị trí	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	Hạng lấy nước (điểm khai thác)	20 09 931	05 22 355

5. Chế độ khai thác: Số giờ khai thác trong ngày là 24 giờ/ngày đêm; số ngày khai thác trong năm là 365 ngày/năm.

6. Lưu lượng khai thác, sử dụng lớn nhất là 2.000 m³/ngày đêm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Nước mặt sông Tiêm được bơm từ trạm bơm cấp I, theo đường ống gang dẫn về hệ thống xử lý (bể hợp khối) gồm có các quá trình trộn, lắng, lọc nhanh, khử trùng bằng Clo vào bể chứa nước sạch sau xử lý. Nước sau khi xử lý tại bể chứa nước sạch sẽ được cung cấp cho mạng lưới cấp nước sạch của thị trấn Hương Khê thông qua trạm bơm cấp 2.

8. Thời hạn của giấy phép: Đến hết ngày 10/02/2025.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước quy định tại Điều 1 Quyết định này, bao gồm:

1. Vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình: 1.000m về phía thượng lưu và 100m về phía hạ lưu sông Tiêm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đoạn Sông Tiêm qua địa phận khối phố 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê nơi đặt hạng lấy nước được xác định có chiều dài (theo quy định tại Khoản 1 Điều này) là 1.100m và chiều rộng là 20m tính từ mép bờ sông Tiêm (theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 3. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh:

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được Cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản; thực

hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước; chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương.

2. Thực hiện việc quan trắc chất lượng, lưu lượng nước và bảo vệ nguồn nước trong quá trình khai thác theo nội dung Báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt; ghi chép lưu lượng nước khai thác vào sổ nhật ký vận hành công trình; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

3. Bảo đảm vận hành công trình an toàn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

4. Phối hợp với UBND huyện Hương Khê, UBND thị trấn Hương Khê và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa. Quá trình triển khai thực hiện nếu có sự bất cập thì Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh có trách nhiệm báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét tham mưu điều chỉnh phù hợp.

5. Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

6. Nghiêm cấm xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước; trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn nước dưới đất và tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

7. Định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh được hưởng các quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng; Chủ

tịch UBND huyện Hương Khê; Chủ tịch UBND thị trấn Hương Khê; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục QL Tài nguyên nước - BTNMT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP phụ trách NN;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (M)
Tỉnh Hà Tĩnh
ubhatinh@hatinh.gov.vn
Giấy ký: 2020.05-05T09:51:28.6632849+07:00

Đặng Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3292 /GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3589/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 06/9/2020 (kèm theo Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước) của Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3233/TTr-STNMT ngày 25/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số 3000101973 do phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/06/2016; địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Nguyễn Hoàng Từ, Tổ dân phố 3, phường Đại Nài, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) được xả nước thải từ hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí, tọa độ điểm xả nước thải: Tổ dân phố 11, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Tọa độ X= 20 10 082; Y= 05 21 977 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, được xác định bằng máy định vị GPS cầm tay).



2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Ngàn Sâu, đoạn chảy qua thôn Thuợ Hải, xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Phương thức xả thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được xả vào hệ thống thoát thải chung của khu vực sau đó chảy ra sông Ngàn Sâu. Nước thải được xả ven bờ trên bề mặt nguồn tiếp theo hình thức tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn, chu kỳ xả 2 ngày/lần, 2h/lần.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $61\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chất lượng nước thải: Giá trị tối đa được phép của các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải của Chi nhánh Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Khê khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số $K_p = 0,9$; $K_f = 1,1$. Cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7
3	COD	mg/l	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5
5	Coliform	MPN/100ml	3000
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	4,95
7	Tổng Nitơ	mg/l	19,8
8	Tổng Phốtpho	mg/l	3,96
9	Dầu mỡ	mg/l	4,95
10	Sắt (Fe)	mg/l	0,99
11	Chì (Pb)	mg/l	0,099
12	Asen (As)	mg/l	0,0495
13	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,00495
14	Cadimi (Cd)	mg/l	0,0495

7. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) năm, kể từ ngày ban hành Giấy phép này.

Điều 2. Yêu cầu đối với Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được Cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong Hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu thì Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

- Quan trắc chất lượng nước thải: 01 điểm trước hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải tại vị trí xả thải với các thông số quan trắc ở Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này. Tần suất quan trắc 06 tháng/01 lần.

- Quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: 01 điểm trên sông Ngàn Sâu cách điểm tiếp nhận khoảng 100 m về phía hạ lưu. Các thông số quan trắc gồm: pH, BOD₅, COD, TSS, Coliform, Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phốtphat (PO₄³⁻), Amoni (NH₄⁺), Sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng. Quy chuẩn áp dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A₂) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt. Tần suất quan trắc 06 tháng/01 lần.

- Theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành công trình xả thải lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra.

4. Định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường ở Trung ương và địa phương.

6. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn nếu Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh được hưởng các quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hương Khê; Chủ tịch UBND thị trấn Hương Khê; Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QL Tài nguyên nước - BTNMT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực ... 10943 ... Quyền số 02

14-10-2020

UBND PHƯỜNG BẮC HÀ TP. HÀ TĨNH



Nguyễn Duy Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn

Số: 205/QĐ- HĐQT.TTĐ

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng
công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi
nhánh cấp nước Hương Khê

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ quyết định số:351/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng công trình năm 2024;

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê do Phòng kỹ thuật lập;

Căn cứ Kết quả thẩm định Số:15/KQTĐ-TTĐ ngày 15/8/2024 của Tổ thẩm định về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê, do Phòng kỹ thuật lập.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê với các nội dung chủ yếu như sau:

1.Tên công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê

2.Cơ quan quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh

3.Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh

4. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Để đáp ứng về nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh cho nhân dân và các cơ quan, Tổ chức trong thời gian tới.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Cải tạo, nâng công suất lên 3000m³/ng.đ, trạm bơm cấp 2. Được thay thế, bổ sung, cải tạo để đáp ứng hiệu suất làm việc phục vụ cấp nước an toàn.

Trong đó:

- Trạm bơm:

+Lắp đặt mới 02 bơm ly tâm trục ngang, đầu rời, hiệu Ebara-Indonesia, Model GS 125-400, lưu lượng 33-297300m³/h, cột áp 41-27m, động cơ Elecktrim-madein singapo, Công suất 30kw/3p/4 cực/1500 vòng/phút, cấp bảo vệ IP55xClassF, điện áp: 380v/50hz, vật liệu thân bơm, cánh bơm: Gang. Trục bơm: thép không gỉ, đường kính hút xả: DN 150/150mm; thay mới toàn bộ đường ống kỹ thuật; nâng cốt nền trạm bơm; lắp mới hệ thống pa lăng xích (Pa lăng điện 2 tấn một 3kw, điện áp 380v, dây xích 10mm, chiều dài 3m, tốc độ nâng 8m/p, tốc độ di chuyển 20m/p

- Sửa chữa nhà trạm bơm:

+ Sơn sửa lại tường trong và tường ngoài trạm bơm;

+ lợp mới mái che bằng tôn lạnh mạ màu AZ050-17/05 khổ 1070mm, độ dày 0,45mm; thay thế hệ thống cửa đi mở quay 2 cánh sản xuất bằng nhôm hệ 55+kính AT 6.38; cửa sổ mở quay 2 cánh sản xuất bằng nhôm hệ 55+kính AT 6.38.

- Đào đất bằng thủ công, đất cấp 3, rộng <=3m, sâu <=1m (lắp đặt đường ống kỹ thuật) ;

- Bê tông bể bơm gỏi đỡ sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công 250#, đá 1x2, PCB40;

-Và các hạng mục khác (*Chi tiết theo bản vẽ thiết kế, dự toán đã được thẩm định*)

5. Tổ chức đơn vị lập hồ sơ thiết kế dự toán: Phòng kỹ thuật Công ty

7. Địa điểm xây dựng: Tổ dân phố 7, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV.

9.Tổng mức đầu tư: Làm tròn **775.338.000** đồng (*Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn*).

Trong đó:

1. Chi phí thiết bị sau thuế: 256.392.000 đồng

2. Chi phí xây dựng:

- Chi phí trực tiếp: 419.388.498 đồng

- Chi phí gián tiếp: 36.067.411 đồng

- Thu nhập chịu thuế tính trước: 25.050.075 đồng

- Thuế GTGT (8%): 38.440.479 đồng

10. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế kỹ thuật)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

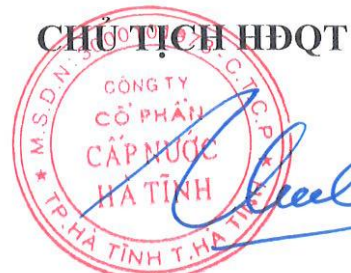
Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, trưởng các phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;

- Trưởng ban kiểm soát ;

- Lưu VTCT, Tổ TĐ.



Võ Ngọc Vinh

Số: 15 /KQTD-TTĐ

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng
công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi
nhánh cấp nước Hương Khê**

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Tổ Thẩm định đã nhận Tờ trình số 70/TTr-KT ngày 14/8/2024 của Phòng Kỹ thuật, về việc đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê (kèm theo hồ sơ thiết kế - Dự toán);

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 9 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 72/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc về xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-SXD ngày 01/8/2023 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định 169/QĐ-SXD ngày 24/8/2023 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh Về việc công bố bảng đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Văn bản số 2138/SXD-QLHĐXD2 ngày 01/8/2023 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc hướng dẫn áp dụng đơn giá nhân công trong lập, thẩm định dự toán XDCT theo Quyết định số 151/QĐ-SXD ngày 01/8/2023;

Căn cứ Công bố giá vật liệu xây dựng quý 1 năm 2024, kèm theo công văn số 1542/SXD-QLHĐXD2 ngày 21/5/2024 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh, và của một số nhà cung cấp đối với vật tư, thiết bị không có trong công bố giá; chứng thư thẩm định giá số: 469/2024/67 ngày 08/8/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá KDB Việt nam;

Căn cứ quyết định số 285/QĐ-HĐQT ngày 18/9/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh về việc thành lập Tổ Thẩm định dự toán;

Căn cứ quyết định số 351/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh về phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình năm 2024;

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê do Phòng kỹ thuật lập;

Sau khi xem xét hồ sơ Tổ Thẩm định báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê
2. Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV.
3. Cấp quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh.
4. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh.
5. Địa điểm xây dựng: Tổ dân phố 7, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
6. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình Chủ đầu tư trình duyệt: **775.338.000** đồng (*Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn*).
7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh.
8. Thời gian thực hiện: Năm 2024.
9. Đơn vị thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Phòng Kỹ thuật Công ty.
10. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:
 - 10.1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế: QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật; TCXDVN 13606-2023- Cấp nước- mạng lưới đường ống-tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5574:2012 kết cấu bê tông cốt thép-tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền và móng; TCVN 4447:1987- Công tác đất- Quy phạm thi công và nghiệm thu và các tiêu chuẩn khác có liên quan.
 - Tiêu chuẩn xây dựng: TCVN 4455:1997. Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng. Quy tắc ghi kích thước, chữ tiêu đề, các yêu cầu kỹ thuật và bảng biểu trên bản vẽ;
 - Tiêu chuẩn xây dựng: TCVN 5570:1991. Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng, bản vẽ xây dựng. Ký hiệu đường nét và đường trục trong bản vẽ;
 - Các tiêu chuẩn hiện hành khác còn hiệu lực khác.
 - Các quy trình, quy phạm hiện hành khác.

II. DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

Căn cứ quyết định số 351/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2023 của Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh về phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình năm 2024;

2. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình thẩm định;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình;

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

- Chủ trì thiết kế lập dự toán: Kỹ sư Phan Duy Hồng, phó phòng kỹ thuật, Kỹ sư Nguyễn Mậu Hoàng cán bộ.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

3.1. Quy mô:

- Cải tạo, nâng công suất lên 3000m³/ng.đ, trạm bơm cấp 2. Được thay thế, bổ sung, cải tạo để đáp ứng hiệu suất làm việc phục vụ cấp nước an toàn.

Trong đó:

- Trạm bơm:

+ Lắp đặt mới 02 bơm ly tâm trục ngang, đầu rời, hiệu Ebara-Indonesia, Model GS 125-400, lưu lượng 33-297300m³/h, cột áp 41-27m, động cơ Elecktrim-made in singapo, Công suất 30kw/3p/4 cực/1500 vòng/phút, cấp bảo vệ IP55xClassF, điện áp: 380v/50hz, vật liệu thân bơm, cánh bơm: Gang. Trục bơm: thép không gỉ, đường kính hút xả: DN 150/150mm; thay mới toàn bộ đường ống kỹ thuật; nâng cốt nền trạm bơm; lắp mới hệ thống pa lăng xích (Pa lăng điện 2 tấn một 3kw, điện áp 380v, dây xích 10mm, chiều dài 3m, tốc độ nâng 8m/p, tốc độ di chuyển 20m/p

- Sửa chữa nhà trạm bơm:

+ Sơn sửa lại tường trong = 96,4m² và tường ngoài = 83m² trạm bơm;

+ lợp mới mái che bằng tôn lạnh mạ màu AZ050-17/05 khổ 1070mm, độ dày 0,45mm = 179,3m²; thay thế hệ thống cửa đi mở quay 2 cánh sản xuất bằng nhôm hệ 55+kính AT 6.38 = 5,72m²; cửa sổ mở quay 2 cánh sản xuất bằng nhôm hệ 55+kính AT 6.38 = 3,38m².

- Đào đất bằng thủ công, đất cấp 3, rộng ≤ 3m, sâu ≤ 1m (lắp đặt đường ống kỹ thuật);

- Bê tông bể bơm gỏi đỡ sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công 250#, đá 1x2, PCB40 = 2,6 m³

- Và các hạng mục khác (Chi tiết theo bản vẽ thiết kế, dự toán đã được thẩm định)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập thiết kế dự toán; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

- Đối với đơn vị thiết kế xây dựng: Phòng kỹ thuật có đủ năng lực để thực hiện thiết kế công trình.

- Chủ trì thiết kế, khảo sát lập dự toán có đủ năng lực để thực hiện

2. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư. Hồ sơ thiết kế phù hợp văn bản chủ trương đầu tư, các nội dung của hồ sơ thiết kế dự toán.

3. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận:

- Giải pháp thiết kế cơ bản đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an toàn công trình. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư cần phê duyệt biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình lân cận.

4. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm
5. Sự phù hợp của phương án công nghệ: Đảm bảo an toàn
6. Việc lập tổng mức đầu tư xây dựng, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:

Dự toán công trình được lập trên cơ sở bóc tách khối lượng từ bản vẽ thiết kế; áp dụng các định mức, đơn giá vật liệu theo quy định hiện hành; giá vật liệu áp dụng theo Công bố giá vật liệu xây dựng của Sở Xây dựng tại thời điểm thẩm định, đơn giá vật liệu không có trong Công bố giá của Sở Xây dựng áp dụng trên cơ sở công bố giá của các nhà cung cấp, của đơn vị tư vấn lập và tham khảo một số thẩm định giá của các dự án/công trình khác, Chủ đầu tư trình; các khoản mục chi phí được tính toán theo các quy định hiện hành.

- Dự toán thẩm định tại thời điểm theo công bố giá vật liệu quý 1 năm 2024 kèm theo công văn số 1542/SXD-QLHĐXD2 ngày 21/5/2024 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh, kết quả thẩm định làm tròn là: **775.338.000** đồng (*Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn*).

TT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị sau khi thẩm định	Tăng (+) Giảm (-)
1	Tổng kinh phí xây dựng	775.338.000	775.338.000	Không
	Tổng dự toán (làm tròn)	775.338.000	775.338.000	

Kết quả Sau khi thẩm định xong đơn vị thiết kế đã thống nhất theo số liệu của Tổ Thẩm định và in lại hồ sơ.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

- Một số vật tư, vật liệu không có trong thông báo giá, đơn vị thẩm định tạm tính theo đơn vị tư vấn; quá trình thực hiện đề nghị Chủ đầu tư xem xét thẩm định giá các loại vật tư, thiết bị liên quan để xác định, cập nhật, phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định trước khi thi công;

- Hồ sơ thiết kế dự toán đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng công suất lên 3.000m³/ng.đ, trạm bơm cấp II- Chi nhánh cấp nước Hương Khê đủ điều kiện phê duyệt sau khi thẩm định, Tổ Thẩm định kính đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- HĐQT, ban TGD;TBKS;
- Các phòng, ban liên quan;
- Lưu: Tổ TĐ.

TỔ THẨM ĐỊNH
Tổ trưởng



Hoàng Việt Bắc



Số: 292/2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 01 tháng 6 năm 2023.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 02/6/2023 đến ngày 08/6/2023
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ 25 ± 5 °C; Độ ẩm: 65 ± 5 %..
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường lần 01 năm 2023 tại Chi nhánh cấp nước Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
5. Lấy mẫu: Tổ Quan trắc hiện trường ☒ Gửi Phòng thí nghiệm ☐
6. Vị trí lấy mẫu: (TT₁₆₁) Cuối mương thoát nước thải của nhà máy, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105°42'45.62" (Đ), 18°10'13.59" (B).
7. Kết quả phân tích:

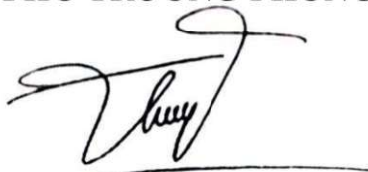
TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,1
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	6,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	20
4	Oxi hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/l	5,6
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	18
6	Sắt tổng số (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	2,8
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,20
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	US EPA Method 352.1	mg/l	0,51
9	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1.700
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ - P)	SMEWW 4500-PE:2017	mg/l	<0,03
11	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,034
12	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0015
13	E.coli	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<1,8
14	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/l	4,9

Ghi chú:

-(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 8 tháng 6 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC


Trần Ngọc Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY

PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 10, đường Nguyễn Huy Tự, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>

Điện thoại: 0983.338.778; 0913.872.191

Số: 986/2023/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Mẫu phân tích : Môi trường nước thải.
- Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh cấp nước huyện Hương Khê, khối 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Ngày lấy mẫu : Ngày 5/11/2023.
- Đặc điểm thời tiết : Trời tạnh ráo.
- Kết quả phân tích :

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả
				NT
1	pH	TCVN 6492:2011	Thang pH	7,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/l	2,5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	34,5
4	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	42,7
5	Nhu cầu oxy sinh học BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	24,6
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	SMEWW 4500-NH ₄ ⁺ :F:2017	mg/l	1,35
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ :E:2017	mg/l	1,11
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,42
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/l	52,5
10	Tổng Fe	TCVN 6177:1996	mg/l	0,40
11	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2.100
12	Chì (Pb) (*)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0038
13	Đồng (Cu) (*)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,05
14	E.coli (*)	SMEWW 9221B&G:2023	MPN/100ml	15

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.

Tọa độ Ký hiệu điểm lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	NT	X(m) = 2010016; Y(m) = 522127	Cuối mương thoát nước thải

Đại diện nhóm phân tích

Nguyễn Thị Tú Uyên

Người kiểm tra

Nguyễn Thị Như Trang



Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu đo PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT



Số: 182/2024/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

- Thời gian lấy mẫu: Ngày 11 tháng 5 năm 2024.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 12/5/2024 đến ngày 17/5/2024
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 5\%$.
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 01 năm 2024 tại Chi nhánh cấp nước Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
- Lấy mẫu: Tổ Quan trắc hiện trường ☒ Gửi Phòng thí nghiệm ☐
- Vị trí lấy mẫu: (NT₉₇) Cuối mương thoát nước thải của nhà máy, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}42'45.62''$ (Đ), $18^{\circ}10'13.59''$ (B).
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,0
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	21,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	44
4	Oxi hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/l	6,3
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	32,8
6	Sắt tổng số (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	1,17
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,20
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	US EPA Method 352.1	mg/l	0,41
9	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1.300
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ - P)	SMEWW 4500-PE:2017	mg/l	0,059
11	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,025
12	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,001
13	E.coli	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<1,8
14	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/l	7,8

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 5 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T&T
T&T ENVIRONMENTAL NATURAL RESOURCE JOINT-STOCK COMPANY
PHÒNG THÍ NGHIỆM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 10, đường Nguyễn Huy Tự, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Email: vimcerts105@gmail.com; Website: <http://moitruongtt.com.vn>
Điện thoại: 0983.338.778; 0913.872.191

Số: 723/2024/PTN/T&T

Hà Tĩnh, ngày 5 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Mẫu phân tích : Môi trường nước thải.
2. Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh cấp nước huyện Hương Khê, khối 13, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
3. Ngày lấy mẫu : Ngày 21/11/2024.
4. Đặc điểm thời tiết : Trời tạnh ráo.
5. Kết quả phân tích :

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả
				NT
1	pH	TCVN 6492:2011	Thang pH	7,6
2	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/l	2,4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	19,1
4	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	40,5
5	Nhu cầu oxy sinh học BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	28,7
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	SMEWW4500-NH ₄ ⁺ .F:2017	mg/l	1,05
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	mg/l	1,02
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,07
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/l	42,6
10	Tổng Fe	TCVN 6177:1996	mg/l	0,37
11	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2.500
12	Chì (Pb) (*)	TCVN 6193:1996	mg/l	KPH
13	Đồng (Cu) (*)	TCVN 6193:1996	mg/l	KPH
14	E.coli (*)	SMEWW 9221:2017	MPN/100ml	9,2 x 10 ²

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.

Tọa độ Ký hiệu điểm lấy mẫu cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°	Địa điểm lấy mẫu
1	NT	X(m) = 2010016; Y(m) = 522127	Cuối mương thoát nước thải

Đại diện nhóm phân tích

Đâu Thị Kim Ngân

Người kiểm tra

Nguyễn Thị Như Trang



Ghi chú: - KQPT trên chỉ đúng với mẫu thử của khách hàng đưa đến (gửi tới) hoặc mẫu đo PTN lấy mẫu về.
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu tại thời điểm đo.
- Không được sao chép hoặc tẩy xóa kết quả khi không được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị phân tích.
- Thời gian lưu mẫu và giải quyết mọi thắc mắc không quá 7 ngày kể từ ngày trả KQPT



Số: 566...../2025/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 06 tháng 6 năm 2025.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 07/6/2025 đến ngày 16/6/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 01 năm 2025 tại Chi nhánh cấp nước Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
5. Lấy mẫu: Tổ Quan trắc hiện trường ☒ Gửi Phòng thí nghiệm ☐
6. Vị trí lấy mẫu: (NT₂₂₁) Cuối mương thoát nước thải của nhà máy, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105⁰42'45.62" (Đ), 18⁰10'13.59" (B).
7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,6
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	8,3
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/l	16
4	Oxi hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/l	6,2
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	28
6	Sắt tổng số (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	1,23
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,13
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	US EPA Method 352.1	mg/l	0,48
9	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	1.700
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ - P)	SMEWW 4500-PE:2023	mg/l	0,018
11	Đồng (Cu)	US EPA Method 6020B	mg/l	0,001
12	Chì (Pb)	US EPA Method 6020B	mg/l	<0,0008
13	E.coli	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	<1,8
14	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	mg/l	8,5

Ghi chú:

-(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy



Trần Ngọc Sơn